

HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN

---0---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT
THEO MÔ HÌNH KHÉP KÍN**

Địa chỉ: ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

CHỦ CƠ SỞ

NGUYỄN THỊ LOAN

TÂY NINH, THÁNG 5 NĂM 2025

DANH MỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	2
1. Căn cứ Luật	2
2. Căn cứ Nghị định	3
3. Căn cứ Thông tư.....	3
4. Các văn bản của địa phương	4
5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn	4
6. Các văn bản của địa phương	5
III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. TÊN CHỦ CƠ SỞ: HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN.....	6
2. TÊN CƠ SỞ: “TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT THEO MÔ HÌNH KHÉP KÍN”	6
2.1. Địa điểm và mối tương quan của cơ sở.....	6
2.1.1. Địa điểm của cơ sở	6
2.1.2. Mối tương quan của cơ sở đối với các đối tượng tự nhiên	6
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở	7
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	7
2.4. Quy mô của cơ sở	8
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	8
3.1. Công suất của cơ sở:.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	8
3.3. Sản phẩm của cơ sở: Heo thịt.....	10
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.....	10
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất của cơ sở	10
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	12
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	12
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....	13
5.1. Các hạng mục công trình.....	13
5.2. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại cơ sở.....	15
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	16
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
2.1. Tác động của các nguồn có liên quan đến chất thải.....	16
2.1.1. Đối với bụi, khí thải	16
2.1.2. Đối với nước thải.....	19
2.1.3. Đối với chất thải rắn.....	21
2.2. Tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.....	23
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,.....	24
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	24
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	24
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	25
1.3. Xử lý nước thải:.....	25
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	33
3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	38
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:.....	39
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	39
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.	40
4.1. Chất thải rắn nguy hại:	40
4.2. Hình thức lưu trữ:	40
4.3. Biện pháp xử lý:	41
5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	41
5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học	41
5.2. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng.....	42
5.3. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do heo kêu	42
6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI CƠ SỞ ĐI VÀO VẬN HÀNH	42
6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải	42
6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước.....	42
6.1.2. Đối với bể tự hoại, bể biogas, hệ thống xử lý nước thải	42
6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải	43
6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.....	43
6.3. Phòng ngừa dịch bệnh	43
7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC: Không có....	45

8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI.....	45
9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	45
10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	45
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	47
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	47
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	48
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	50
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	51
4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh	51
Bảng 21: Danh mục chất thải nguy hại trong giai đoạn cơ sở vận hành.....	52
4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	52
4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	52
4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại).....	53
4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.....	53
CHƯƠNG V	55
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ	55
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .	56
1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	56
1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	56
1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có.....	56
1.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	56
2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	56
CHƯƠNG VII	58
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	58
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	58
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	59
PHỤ LỤC	61

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Lịch tiêm phòng cho heo thịt.....	10
Bảng 2: Nhu cầu thuốc thú y, vaccine.....	11
Bảng 3: Nhu cầu sử dụng hóa chất.....	11
Bảng 4: Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại trang trại.....	13
Bảng 5: Các hạng mục công trình của cơ sở.....	14
Bảng 6: Danh mục máy móc, thiết bị dùng chung của cơ sở.....	15
Bảng 7: Tổng hợp nước thải phải phát sinh tại cơ sở.....	20
Bảng 8: Thành phần, khối lượng chất thải rắn chăn nuôi phát sinh tại trại	22
Bảng 9: Danh mục chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành	22
Bảng 10: Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải	25
Bảng 11: Thông số kỹ thuật của các hạng mục công trình xử lý nước thải.....	30
Bảng 12: Danh mục, số lượng hóa chất sử dụng.....	32
Bảng 13: Nội dung thay đổi so với Kế hoạch BVMT đã được phê duyệt.....	46
Bảng 14: Thông số và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải của cơ sở	47
Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 05:2023/BTNMT	49
Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT	49
Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	50
Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung	50
Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	51
Bảng 20: Thành phần, khối lượng chất thải rắn chăn nuôi phát sinh tại trại	51
Bảng 21: Danh mục chất thải nguy hại trong giai đoạn cơ sở vận hành.....	52
Bảng 22: Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý năm 2022	55
Bảng 23: Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý năm 2023	55
Bảng 24: Kinh phí dự trù thực hiện giám sát môi trường định kỳ.....	57

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ vị trí của cơ sở.....	7
Hình 2: Quy trình chăn nuôi heo của cơ sở.....	8
Hình 3: Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở.....	24
Hình 4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	26
Hình 5: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi của cơ sở	27
Hình 6: Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	28
Hình 7: Quy trình xử lý chất thải rắn gồm phân heo, bùn thải	39

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cơ sở “Trại chăn nuôi heo Nguyễn Thị Loan” được sáp nhập từ 03 cơ sở chăn nuôi heo sau:

- Trang trại nuôi gia súc (heo) Nguyễn Văn Tiến tại xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện Tân Biên xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại Giấy xác nhận số 08/XN-UBND ngày 25/4/2013.

- Trang trại nuôi heo Nguyễn Thị Loan tại ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện Tân Biên chấp thuận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường tại Thông báo số 24/TB-UBND ngày 16/3/2015.

- Trang trại nuôi heo Võ Đức Hiếu tại ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện Tân Biên chấp thuận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường tại Thông báo số 23/TB-UBND ngày 16/3/2015.

Nay, Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Loan lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình khép kín”. Cơ sở có quy mô, công suất như sau:

- Công suất: 2.700 con heo thịt/lứa.
- Tổng vốn đầu tư: 6 tỷ đồng.

Căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường:

- Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quy mô Cơ sở thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Căn cứ mục II số thứ tự 5.2.1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Theo đó, Cơ sở “Trại chăn nuôi heo Nguyễn Văn Tiến” quy mô 2.700 con heo thịt/lứa, tương đương 540 đơn vị vật nuôi (2.700 heo thịt x 100 kg/con)/500.

Căn cứ Mục số I.1 Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc Nhóm II: “*Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức*”.

Từ các quy định trên, Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Loan tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình khép kín” theo mẫu Báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001.

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 03/12/2004.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023.

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/01/2024.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/6/2015.

- Luật Thú y số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015.

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

2. Căn cứ Nghị định

- Nghị định số 14/2014/NĐ – CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

3. Căn cứ Thông tư

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.
- Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.
- Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.
- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.
- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Các văn bản của địa phương

- Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

- Kế hoạch số 3625/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045.

- Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 07-2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.

- QCVN 07-5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.

- QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

6. Các văn bản của địa phương

- Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030. Trong đó, UBND tỉnh quy định mật độ chăn nuôi của huyện Châu Thành là: 1,5 ĐVN/01ha đất nông nghiệp đến năm 2030.

- Kế hoạch số 3625/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045.

- Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

- Giấy xác nhận số 08/XN-UBND ngày 25/4/2013 của UBND huyện Tân Biên xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản Trang trại nuôi gia súc (heo) Nguyễn Văn Tiến tại xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Thông báo số 24/TB-UBND ngày 16/3/2015 của UBND huyện Tân Biên chấp thuận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại nuôi heo Nguyễn Thị Loan tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Thông báo số 23/TB-UBND ngày 16/3/2015 của UBND huyện Tân Biên chấp thuận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại nuôi heo Võ Đức Hiếu tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. TÊN CHỦ CƠ SỞ: HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN

- Địa chỉ cơ sở: ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Loan.
- Điện thoại: 0981 432 139

2. TÊN CƠ SỞ: “TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT THEO MÔ HÌNH KHÉP KÍN”

2.1. Địa điểm và môi trường quan của cơ sở

2.1.1. Địa điểm của cơ sở

Cơ sở “Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình khép kín” được bố trí trên các thửa đất số 327, 328 tờ bản đồ số 5 thuộc ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Khu đất có tọa độ, vị trí như sau:

- **Vị trí tọa độ: X = 1252 997; Y = 568 567**

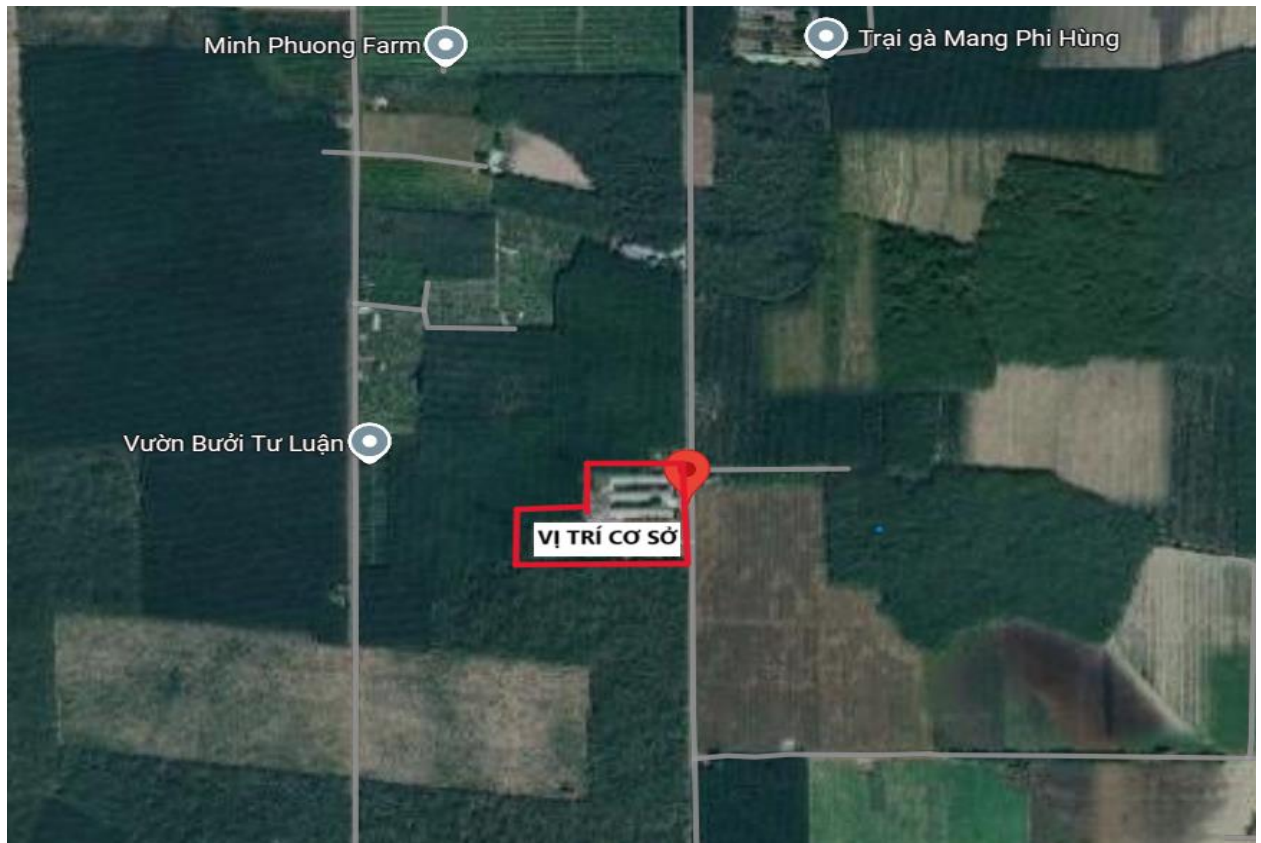
- Vị trí tiếp giáp như sau:
- Phía Đông: Giáp đất đường nhựa 8 m
- Phía Tây: Giáp đất trồng cao su
- Phía Nam: Giáp đất trồng cao su
- Phía Bắc: Giáp đất trồng cao su.

2.1.2. Môi trường quan của cơ sở đối với các đối tượng tự nhiên

Cơ sở “Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình khép kín” gần đường giao thông nông thôn, do đó rất thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân trong vùng. Có hệ thống lưới điện quốc gia đi qua thuận lợi cho việc sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt của cơ sở.

- Theo quan sát xung quanh cơ sở trong khoảng cách 500 m không có khu dân cư, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển; nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, bệnh viện, trường học, chợ.

- Với khoảng cách và vị trí này của cơ sở phù hợp với các quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi.



Hình 1: Sơ đồ vị trí của cơ sở

2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thì Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường là UBND tỉnh Tây Ninh.

2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Giấy xác nhận số 08/XN-UBND ngày 25/4/2013 của UBND huyện Tân Biên xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản Trang trại nuôi gia súc (heo) Nguyễn Văn Tiến tại xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Thông báo số 24/TB-UBND ngày 16/3/2015 của UBND huyện Tân Biên chấp thuận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại nuôi heo Nguyễn Thị Loan tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Thông báo số 23/TB-UBND ngày 16/3/2015 của UBND huyện Tân Biên chấp thuận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại nuôi heo Võ Đức Hiếu tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

2.4. Quy mô của cơ sở

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quy mô của cơ sở thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

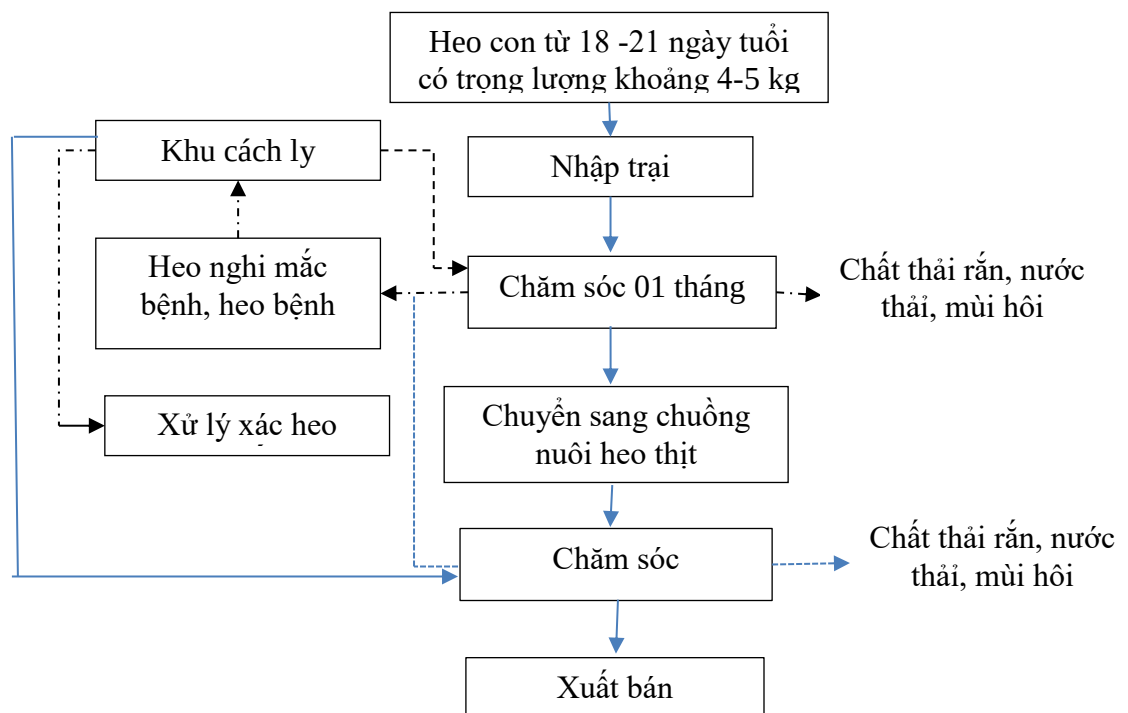
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

3.1. Công suất của cơ sở:

- Quy mô, công suất: 2.700 con heo thịt/lứa.
- Thời gian nuôi 01 lứa từ 4-5 tháng, số lứa nuôi trung bình mỗi năm là 2,5 lứa.
- Thời gian giãn cách để vệ sinh chuồng nuôi heo giữa các lứa nuôi ít nhất là 2 tuần.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình, công nghệ chăn nuôi heo tại cơ sở như sau:



Hình 2: Quy trình chăn nuôi heo của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Heo con được chọn là con giống chất lượng cao (heo ngoại và heo lai nuôi thịt). Heo sau khi cai sữa, khỏe mạnh, có lịch tiêm phòng các bệnh kèm theo. Heo con sau cai sữa 18-21 ngày tuổi có trọng lượng từ khoảng 4-5kg trở lên do Công ty Cổ phần CP Việt Nam cung cấp, được Cơ quan thú y tỉnh Tây Ninh kiểm tra rồi ngăn thả vào chuồng nuôi.

Heo nuôi được khoảng 4 – 5 tháng đạt trọng lượng từ 90 – 100 kg thì xuất bán. Sau khi xuất bán hết lượng heo trong chuồng nuôi, chuồng được công nhân vệ sinh sạch sẽ và có sử dụng thuốc sát trùng, bỏ trống chuồng ít nhất là 15 ngày mới chuyển heo con vào nuôi.

Chăm sóc, nuôi dưỡng: Chủ dự án chịu trách nhiệm chính trong chăm sóc, nuôi dưỡng heo và chi trả mọi chi phí: con giống, thức ăn, thuốc chữa bệnh, lương chuyên gia, bác sĩ thú y, lương công nhân,... Công ty Cổ phần CP Việt Nam chỉ hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu đầu ra sản phẩm.

** Công nghệ cung cấp thức ăn, nước uống tự động*

- Heo được cho ăn thức ăn khô là cám từ trại qua hệ thống silo tự động sẽ tiết kiệm thức ăn mà còn giảm khả năng thức ăn rơi vãi ra chuồng gây dơ bẩn và ô nhiễm.

- Nước uống cung cấp cho heo bằng vòi nước “thông minh”; khi heo muốn uống nước sẽ ngậm vào núm uống và nước tự động chảy ra.

** Vệ sinh thú y*

- Tẩy giun sán cho heo khi 18-22kg

- Kết thúc nuôi 1 lứa heo cần vệ sinh chuồng trại bằng nước vôi pha loãng hoặc các chất sát trùng và để trống chuồng trong thời gian 1 tuần mới nuôi lứa khác.

- Trại chăn nuôi tiến hành phun thuốc khử trùng một tuần một lần xung quanh chuồng nuôi heo.

- Tất cả các phương tiện cũng như người ra vào khu vực trại chăn nuôi đều phải qua hệ thống khử trùng.

- Tất cả các dụng cụ, giày dép, quần áo,...sau khi đã sử dụng trong nhà nuôi heo phải cọ rửa, giặt sạch ngay và khử trùng kỹ để sử dụng cho lần sau.

- Trại chăn nuôi heo thịt mô hình trại lạnh hạn chế thấp nhất việc công nhân chăn nuôi và người ngoài tiếp xúc trực tiếp với heo. Chỉ có việc cần thiết như lấy xác heo chết,... thì công nhân mới được vào nhà nuôi heo.

- Tiêm phòng đầy đủ các loại vacin theo quy định.

Nuôi heo quy mô công nghiệp theo mô hình trại lạnh là mô hình chăn nuôi hoàn toàn khép kín được làm mát quanh năm và cách ly hoàn toàn với bên ngoài. Chuồng nuôi sạch sẽ và thoáng mát, xung quanh chuồng đều được bao bọc bằng tường gạch hoặc khung kèo, vĩ thép. Một đầu chuồng được trang bị các quạt gió lớn hút khí, một đầu là hệ thống màng nước chảy từ trên cao xuống để đưa hơi nước vào chuồng khi ẩm độ bên trong thay đổi. Giữa chuồng có bộ phận cảm nhiệt để luôn giữ nhiệt độ bên trong chuồng không dao động. Khi nhiệt độ trong chuồng hạ xuống thì bộ cảm nhiệt sẽ tự động điều khiển nước ngưng chảy, một số quạt tự ngắt điện ngưng hoạt động. Lúc nhiệt độ tăng lên, độ ẩm giảm, bộ cảm nhiệt sẽ tự động cho nước chảy, các quạt tăng cường hoạt động hút gió để giảm nhiệt độ xuống theo độ chuẩn đã quy định. Nhờ vậy mà khi trời nắng gắt, nhiệt độ cao nhưng trong chuồng vẫn mát. Với hệ thống tự động, nhiệt độ, độ ẩm trong chuồng hầu như không thay đổi, do đó sức khỏe của đàn heo luôn được đảm bảo tốt. Do hệ thống chuồng trại

hoàn toàn khép kín, phân heo và nước rửa chuồng được chảy vào hệ thống hầm biogas để xử lý.

3.3. Sản phẩm của cơ sở: Heo thịt.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất của cơ sở

Nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho trại chăn nuôi gồm nhiều nguyên vật liệu khác nhau. Trong đó, chủ yếu là nguồn cung cấp heo con, thức ăn và thuốc, vaccine. Tất cả nguyên vật liệu do Công ty Cổ phần CP Việt Nam cung cấp và quy trình hoạt động cũng tuân thủ nghiêm ngặt theo hướng dẫn của Công ty này. Danh mục thuốc thú y sử dụng đảm bảo tuân thủ theo quy định danh mục ban hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

a) Nhu cầu về con giống

Nhu cầu về con giống là 2.700 heo con/lứa

b) Nhu cầu về thức ăn

- Lượng cám viên cho heo con (từ 7-15kg) trung bình trong ngày là 0,5kg/ngày x 2.700 con = 1.350kg/ngày = 1,35 tấn/ngày

- Lượng cám viên cho heo thịt (từ 15-100kg) trung bình là 2kg/ngày x 2.700 con = 5.400 kg/ngày = 5,4 tấn/ngày.

=> Tổng lượng cám cần cho là 6,75 tấn/ngày.

c) Nhu cầu thuốc thú y, vaccine, thuốc sát trùng

Thuốc thú y và vaccine trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn đàn heo.

* Nguyên tắc chung:

Thời gian từ lúc chích vaccine đến khi tạo miễn dịch cho heo là 3 tuần (tối thiểu 20 ngày), các loại vaccin chích cách nhau tối thiểu 1 tuần.

Bảng 1: Lịch tiêm phòng cho heo thịt

Loại tiêm phòng	Thời gian tiêm (ngày tuổi)
Tiêm sát lần 1	2-3
Tiêm vaccin phòng bệnh E.Coli	
Tiêm sát lần 2	10 - 13
Tiêm vaccin phòng bệnh suyễn heo lần 1	
Tiêm vaccin phòng bệnh giả dại	20 - 28
Tiêm vaccin heo tai xanh RPRS lần 1	
Tiêm vaccin phòng bệnh suyễn heo lần 2	

Tiêm vaccin phó thương hàn và tụ huyết trùng đóng dấu heo lần 1	
Tiêm vaccin lở mồm long móng lần 1	
Tiêm vaccin phó thương hàn và tụ huyết trùng đóng dấu heo lần 2	28-40
Tiêm vaccin dịch tả heo lần 1	35-38
Tiêm vaccin heo tai xanh RPRS lần 2	45
Tiêm vaccin lở mồm long móng lần 2	55-60
Tiêm vaccin dịch tả heo lần 2	60
Tiêm vaccin dịch tả heo lần 3	90-100

Số lượng và chủng loại một số vaccine tiêm ngừa cho đàn heo được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2: Nhu cầu thuốc thú y, vaccine

STT	Chủng loại	Tổng (liều/lứa)
1	Vaccine FMD: phòng chống bệnh lở mồm long móng	2.700
2	Vaccine SFV: phòng chống dịch tả heo	2.700
3	Vaccine AD: phòng chống giả dại	2.700
4	Vaccine Mycoplasma: truyền nhiễm- hô hấp	2.700
5	Vaccine PRRS: ngừa bệnh heo tai xanh	2.700
6	Vaccine phó thương hàn	2.700
7	Vaccine E.coli	2.700
8	Vaccine tụ huyết trùng đóng dấu	2.700
9	Sắt	2.700

Toàn bộ lượng thuốc thú y, vaccine và chuyên viên kỹ thuật chăm sóc cho đàn heo được Công ty Cổ phần CP Việt Nam cung cấp và hỗ trợ.

- Nhu cầu hóa chất sát trùng: Cơ sở có sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh chuồng trại. Nhu cầu sử dụng các hóa chất của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3: Nhu cầu sử dụng hóa chất

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng/lứa	Nguồn cung cấp
1	Thuốc sát trùng các loại	lít	200	Công ty Cổ phần CP Việt Nam
2	Vôi bột	kg	230	
3	Chế phẩm sinh học EM	lít	260	

Các hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở không nằm trong danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

d) Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Chủ trại chăn nuôi cũng đã trang bị 01 máy phát điện dự phòng, công suất khoảng 50 KVA đảm bảo cho quá trình hoạt động của trại chăn nuôi trong trường hợp lưới điện khu vực bị sự cố. Nhiên liệu sử dụng cho máy phát điện dự phòng là dầu DO, với số lượng khoảng 10 kg/h.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở chủ yếu phục vụ cho các mục đích sau:

- Phục vụ chăn nuôi: Các máy bơm, quạt hút, quạt gió, hệ thống làm mát, đèn chiếu sáng chuồng trại...

- Phục vụ sinh hoạt: Các thiết bị phục vụ cho sinh hoạt của công nhân tại trại chăn nuôi heo.

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của hộ là điện lưới quốc gia. Hiện tại, tổng nhu cầu sử dụng điện hàng tháng tối đa khoảng 2.500 KWh/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

a) Nước sinh hoạt cho công nhân:

Theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, định mức lượng nước cấp sinh hoạt là 80 lít/người.ca.

Như vậy, nước dùng cho sinh hoạt của công nhân: tổng số công nhân viên làm việc tại trang trại là 6 người, lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân:

$QSHCN = 6 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 480 \text{ lít/ngày.đêm} = 0,48 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$

b) Nước cấp cho chăn nuôi

Nước cho heo uống: Theo quy trình chăn nuôi của trại, trong trại luôn có heo ở đủ lứa tuổi trọng lượng trung bình từ dưới 25 kg đến 100 kg, như vậy mỗi ngày nước uống cho heo thịt trung bình khoảng 7 lít/con với lưu lượng như sau: $2.700 \text{ con} \times 7 \text{ lít/con/ngày} = 18.900 \text{ lít/ngày} = 18,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$

Nước vệ sinh xe ra vào trại cho hoạt động sát trùng: dự kiến số lượng xe ra vào trại khoảng 02 lượt xe/ngày, ước tính lượng nước cấp cho hoạt động rửa xe, sát trùng là 500 lít/x. Như vậy, tổng lượng nước cấp cho hoạt động vệ sinh xe ra vào trại khoảng: $500 \text{ lít/x} \times 02 \text{ lượt xe/ngày} = 01 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$

Nước sát trùng công nhân: được pha trong bồn nhựa, thông qua hệ thống phun sương để sát trùng cho công nhân trước khi làm việc và khách ra vào trại. Do đặc điểm phun sương nên lượng nước này rất ít, khoảng 0,2 lít/người/ngày. Với số lượng công nhân tại trại là 06 người, như vậy lượng nước cấp để sát trùng công nhân là $0,2 \text{ lít/người/ngày} \times 6 \text{ người} = 0,0012 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Nước vệ sinh dụng cụ: dùng để vệ sinh dụng cụ chăn nuôi heo bao gồm: nùm uống, máng ăn, dụng cụ thú y,... với lưu lượng khoảng $0,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước rửa chuồng: trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi theo mô hình trại lạnh khép kín. Định kỳ trang trại sẽ rửa chuồng 01 lần/ngày với nhu cầu nước cấp khoảng 10 lít/con/ngày , như vậy tổng lượng nước cấp cho hoạt động rửa chuồng khoảng $10 \text{ lít/con/ngày} \times 2.700 \text{ con} = 27 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước sử dụng để phun sương xử lý khí thải sau chông nuôi khoảng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Bảng 4: Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại trang trại

STT	Nhu cầu sử dụng nước	Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ngày}$)	Nguồn
1	Nước sinh hoạt	0,48	Nước giếng khoan
2	Nước cấp cho heo uống	18,9	
3	Nước vệ sinh dụng cụ	0,2	
4	Nước vệ sinh chuồng	27	
5	Nước sát trùng công nhân	0,0012	
6	Nước cấp cho hệ thống làm mát	6	
7	Nước vệ sinh xe	1	
8	Nước phun sương xử lý khí thải sau chuồng nuôi	0,3	
Tổng		53,9 (làm tròn)	

c) Nhu cầu nước sử dụng cho PCCC:

Lưu lượng mỗi đám cháy 10 l/s.

Thời gian chữa cháy: 3h.

$Q_{cc} = (3\text{h} \times 60 \text{ phút} \times 60 \text{ giây} \times 10 \text{ lít/giây}) \times 2 \text{ đám cháy} = 216.000 \text{ lít} = 216 \text{ m}^3$.

Phương án cấp nước chữa cháy: Chủ cơ sở sử dụng nước chứa trong hồ sinh học để PCCC đảm bảo đủ cung cấp trong 3 giờ đầu khi có đám cháy xảy ra.

Nguồn cung cấp: Nguồn nước cấp sử dụng tại trại chăn nuôi heo được lấy từ 02 giếng khoan trong khuôn viên cơ sở. Nước từ giếng khoan sẽ bơm lên bể chứa và phân phối đến các vị trí sử dụng.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

5.1. Các hạng mục công trình

Các hạng mục công trình: Khu đất cơ sở có tổng diện tích là: 34.450 m^2 và các hạng mục công trình được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5: Các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m²)	Tỷ lệ %
1	Chuồng heo thịt	03	3.780	10,97
2	Phòng làm việc + nhà công nhân	01	40	0,12
3	Kho chứa thức ăn + dụng cụ	03	270	0,78
4	Nhà ép phân+chứa phân	01	20	0,06
5	Nhà sát trùng	01	36	0,10
6	Nhà máy phát điện dự phòng	01	25	0,07
7	Kho chứa chất thải nguy hại	01	10	0,03
8	Khu vực chôn heo chết do dịch bệnh	01	200	0,58
9	Hố hủy xác heo chết	02	24	0,07
10	Bể Biogas	01	750	2,18
11	Bể lắng 1, 2	02	560	1,63
12	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01	105,44	0,31
13	Hồ sinh học	01	520	15,09
14	Hồ sục cố	01	600	1,74
15	Nhà vận hành hệ thống nước thải	01	19,2	0,06
16	Buồng xử lý khí thải sau dây chuồng nuôi	03	168	0,49
17	Cây xanh	--	6.890	20
18	Đường giao thông nội bộ, sân bãi,...	--	20.432,36	59,31
Tổng cộng			34.450	100

Trang trại được xây dựng hàng rào cách ly trại chăn nuôi với khu vực xung quanh. Cơ sở đảm bảo các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố, cân bằng

giữa mật độ xây dựng và tỷ lệ cây xanh, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chăn nuôi.

5.2. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại cơ sở

Chủ cơ sở một số máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở, như sau:

Bảng 6: Danh mục máy móc, thiết bị dùng chung của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng
1	Vòi nước heo uống	Cái	Việt Nam	96	Hoạt động tốt
2	Máng ăn 80 kg	Cái	Việt Nam	96	
3	Quạt hút	Cái	Việt Nam	24	
4	Hệ thống làm mát	HT	Việt Nam	6	
5	Đèn compact chiếu sáng (20W)	Bóng	Việt Nam	20	
6	Đèn hồng ngoại úm heo (250W)	Bóng	Việt Nam	100	
7	Mô tơ xịt rửa chuồng (1HP)	Cái	Việt Nam	2	
8	Bơm nước giải mát (0,5HP)	Cái	Việt Nam	6	
9	Mô tơ quạt hút 50' 1HP	Cái	Việt Nam	16	
10	Song sắt di động	HT	Việt Nam	10	
11	Bồn nước	Cái	Việt Nam	3	
12	Cân	Cái	Việt Nam	2	
13	Máy nén	Cái	Việt Nam	4	
14	Máy phát điện dự phòng	Cái	Việt Nam	1	
15	Máy bơm nước	Cái	Việt Nam	2	
16	Máy ép phân	Cái	Việt Nam	1	

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Vị trí hoạt động của Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Loan tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã được UBND huyện Tân Biên xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Loan phù hợp với mật độ chăn nuôi của huyện Tân Biên nói riêng và phù hợp với mật độ chăn nuôi của tỉnh nói chung đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; đồng thời phù hợp với Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/08/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Loan tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải theo Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Như vậy, Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Loan tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nói chung và của dự án nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh cơ sở. Cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường của tỉnh Tây Ninh.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Tác động của các nguồn có liên quan đến chất thải

2.1.1. Đối với bụi, khí thải

a) Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên trại nuôi
- Phun nước trên tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực trại chăn nuôi vào mùa khô nhằm giảm bụi phát sinh và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại.

- Khi các xe lưu thông trong khu vực trại chăn nuôi cần giảm tốc độ.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.
- Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO_2 , CO_2 , hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

b) Mùi từ hoạt động chăn nuôi

- Để hạn chế sự phát sinh các khí gây mùi đến mức thấp nhất có thể được, trại nuôi áp dụng các biện pháp sau:
 - Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại.
 - Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại nuôi thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.
 - Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại nuôi 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.
 - Trại nuôi được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.
 - Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.
 - Trồng cây xanh xung quanh trại nuôi nhằm tạo dãy phân cách và tăng vẻ mỹ quan cho trang trại.
- Để đánh giá khả năng chịu tải của môi trường, định kỳ Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ báo cáo công tác bảo vệ môi trường, kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh đạt quy chuẩn cho phép, do đó khả năng chịu tải khí thải của trại nuôi phù hợp với môi trường.

c) Khí biogas sinh ra từ bể biogas

Phân heo sau khi được thu gom từ chuồng nuôi, trong đó thu gom được khoảng 80% phân heo đem đi ép, lượng phân còn lại hòa tan với nước khoảng 20% phân heo cho xuống bể biogas.

Theo tính toán ở phần chất thải rắn chăn nuôi, lượng phân heo phát sinh là 3.780 kg/ngày. Vậy lượng phân heo vào bể Biogas là $M_{\text{phân}} = 20\% \times 3.780 = 756$ kg/ngày.

Tham khảo tài liệu của Ngô Kế Sương và Nguyễn Lâm Dũng (1997). *Sản xuất khí đốt bằng kỹ thuật lên men kỵ khí*. NXB Nông nghiệp, TP. Hồ Chí Minh: lượng khí biogas sinh ra khoảng 60 lít/kg phân.

Lượng khí thải sinh ra là:

$$V^1_{\text{khí}} = 60 \text{ lít} \times M_{\text{phân}} \times 10^{-3} = 60 \times 756 \times 10^{-3} = 45,36 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Lượng khí CH₄ sinh ra mỗi ngày là:

$$V^1_{CH_4} = 0,6 \times V^1_{khí} = 0,6 \times 45,36 = 27,216 \text{ m}^3/\text{ngày} = 1,134 \text{ m}^3/\text{giờ}.$$

Các loại khí sinh học sinh ra từ bể biogas có 02 thành phần chủ yếu: khí CH₄ (chiếm 50 – 70%), khí CO₂ (chiếm 30 – 45%). Ngoài ra, còn có các loại khí khác như: NH₃, H₂S, H₂, O₂,...

Khí biogas dùng làm nhiên liệu đốt để phục vụ quá trình nấu ăn tại trang trại. Trường hợp dư thừa khí biogas, chủ cơ sở sẽ đốt bỏ có kiểm soát (tức là đốt từ từ và không gây ra nguy cơ cháy nổ, phát tán cháy ra xung quanh và nơi khác). Khí biogas khi phát tán vào môi trường sẽ gây ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư; đồng thời có nguy cơ gây cháy nổ do hàm lượng khí CH₄ cao.

d) Khí thải từ máy phát điện dự phòng

Quá trình vận hành 01 máy phát điện dự phòng (tổng công suất 50 KVA) sẽ phát sinh khí thải. Tuy nhiên, nguồn khí thải này không thường xuyên do chỉ được vận hành khi mạng lưới điện quốc gia gặp sự cố. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của máy phát điện khoảng 10 kg dầu DO/h. Lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu DO khoảng 28,3 m³/kg. Do đó, lượng khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng là $10 \times 28,3 = 283 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

Tuy nhiên, khí thải từ máy phát điện dự phòng phát sinh không thường xuyên, chỉ xảy ra khi khu vực dự án bị cúp điện nên các tác động đến môi trường không đáng kể.

đ) Khí thải từ hầm ủ xác

Heo chết không do dịch bệnh phát sinh khoảng 9 kg/ngày được thu gom và đem ủ hợp vệ sinh bằng hố ủ xác bằng bê tông. Xác heo bị phân hủy sinh học, phân hủy các chất hữu cơ, dưới sự tác động của các vi sinh vật phân hủy như nấm, vi khuẩn, xạ khuẩn tạo ra khí CO₂, Methane, nước và sinh khối... Qua trình phân hủy được thể hiện theo công thức: $C_6H_{12}O_6 \rightarrow 3CO_2 + 3CH_4$

Vậy 1,8g sinh khối phân hủy thành 1,344 lít khí. Trong cơ thể vật nuôi nước chiếm 60 – 75% khối lượng cơ thể, do đó khối lượng sinh khối heo phân hủy là $9\text{kg} \times 30\% = 2,7 \text{ kg}$ sinh khối phân hủy làm phát sinh 2,016 m³ khí/ngày ($\approx 0,084 \text{ m}^3/\text{h}$).

e) Khí thải từ nhà chứa phân

Phân sau khi ép được thu gom, lưu trữ trong nhà chứa phân, sau đó bán cho đơn vị có nhu cầu. Phân heo phát sinh khoảng 3.780 kg/ngày. Lượng khí phát sinh được tính toán trên 1 tấn phân ủ theo điều kiện nhiệt độ là 35°C thì khí phát sinh là 0,002 m³/ngày (*Composting – Sanitary Disposal and Reclamation of Organic Waste, Harold B. Gotaas, WHO*).

Vậy 3,78 tấn phân lưu trữ trong kho chứa phân làm phát sinh 0,008 m³ khí/ngày ($\approx 0,0003 \text{ m}^3/\text{h}$).

ê) Ruồi, muỗi, chim, chuột, côn trùng

Ruồi, muỗi, chim, chuột, côn trùng là nhóm các động vật trung gian truyền bệnh dịch cho vật nuôi.

Ruồi, muỗi, chuột, côn trùng có tốc độ sinh sản khá nhanh trong môi trường thuận lợi, đặc biệt là những nơi dơ bẩn, có mùi hôi thối, đọng nước thường xuyên. Môi trường chăn nuôi là môi trường lý tưởng thúc đẩy sự phát triển của các loài trung gian truyền bệnh. Đây chính là nguyên nhân gây ra các bệnh truyền nhiễm cho người và vật nuôi như: tả, lỵ, thương hàn, đường ruột,...

Chim, chuột là động vật có khả năng di chuyển mầm bệnh từ nơi này sang nơi khác. Do đó, cần có biện pháp hạn chế sự xâm nhập, tiếp xúc của chúng với khu vực chăn nuôi, nguồn thức ăn, nước uống trong trại.

2.1.2. Đối với nước thải

a) Nước mưa

Theo nguyên tắc, nước mưa được quy ước là nước sạch nếu không tiếp xúc với các nguồn ô nhiễm. Khi chảy qua các vùng chứa các chất ô nhiễm, nước mưa sẽ cuốn theo các thành phần ô nhiễm đến nguồn tiếp nhận, tạo điều kiện lan truyền nhanh các chất ô nhiễm. Khi chuồng trại, sân bãi được xây dựng và bê tông hóa sẽ làm mất khả năng thấm nước. Mặt khác, trong quá trình vận hành dự án, nếu các nguồn gây ô nhiễm môi trường không được không chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất dự án sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm có trong nước thải, khí thải, chất thải rắn gây ô nhiễm nguồn nước. Tùy theo phương án không chế nước mưa cục bộ mà thành phần và nồng độ nước mưa thay đổi đáng kể.

Chủ cơ sở xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải. Mái nhà, trại nuôi heo được bố trí nghiêng, nước mưa phát sinh từ mái nhà, trại nuôi chảy xuống đất rồi chảy vào ao chứa nước mưa trong cơ sở.

b) Nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh từ hoạt động vệ sinh hàng ngày và nấu ăn của công nhân viên trong dự án.

Lưu lượng: căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải. Khối lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp, cụ thể: $06 \text{ người} \times 80 \text{ lít/ngày/người} \times 100\% = 0,48 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh. Khối lượng nước thải phát sinh này sẽ làm phát sinh bệnh tật, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe đời sống của người công nhân, đồng thời gây ô nhiễm cho môi trường nước nếu như dự án không có các biện pháp xử lý thích hợp.

c) Nước thải chăn nuôi

Nước thải phát sinh tại Cơ sở gồm các nguồn sau:

- Nước thải từ quá trình rửa nền chuồng và rửa thiết bị: Trại nuôi heo theo công nghệ mới tiết kiệm nước, phun rửa nhà nuôi heo bằng máy phun áp lực cao, không có hoạt động tắm heo. Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp sử dụng, lưu lượng nước thải vệ sinh chuồng là $27,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải phát sinh từ quá trình cho heo uống (nước tiểu heo) lấy bằng 30% lượng nước cấp là 5,67 m³/ngày.đêm. (18,9 m³/ngày.đêm x 30%).

- Nước thải từ hệ thống phun sương sau quạt đẩy được tính bằng 100% lượng nước cấp sử dụng, lưu lượng 0,3 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sát trùng công nhân được tính bằng 100% lượng nước cấp sử dụng 0,0012 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh, sát trùng xe ra vào được tính bằng 100% lượng nước cấp sử dụng, lưu lượng 1 m³/ngày. Nước dùng cho quá trình sát trùng an toàn cho người sử dụng và động vật, không gây kích ứng và ăn mòn dụng cụ, thuốc tự phân giải, không gây ô nhiễm môi trường. Thành phần ô nhiễm chủ yếu của nước thải này là pH thấp, tính oxy hóa mạnh.

- Nước thải từ hầm hủy xác: Nước thải từ hầm hủy xác là nước rỉ từ quá trình phân hủy xác heo chết không do dịch bệnh ước tính 9 kg/ngày. Trong cơ thể vật nuôi nước chiếm 60 – 75% khối lượng cơ thể, do đó lượng nước rỉ phát sinh khoảng 9 kg/ngày x 70% = 6,3 kg nước = 6,3 m³. Thời gian phân hủy là 30 ngày. Vậy lượng nước rỉ từ hầm hủy xác heo là 0,21 m³/ngày.

- Nước thải từ quá trình ép phân: Lượng nước rỉ từ quá trình ép phân phụ thuộc vào lượng phân và độ ẩm của phân. Nước rỉ từ quá trình ép phân có tính chất tương tự nước thải chăn nuôi, nhưng nồng độ các chất ô nhiễm cao hơn so với nước thải chăn nuôi. Nước rỉ từ quá trình ép phân được tính như sau:

$$Q_{rp} = M \times (W1 - W2) / D \quad (\text{m}^3/\text{ngày})$$

(Nguồn: Nijaguna, B.T. Biogas technology. New Age International, 2006)

Trong đó:

Q_{rp}: Lưu lượng nước rỉ phân (m³/ngày)

M: Khối lượng phân trung bình đem ép phân trong 1 ngày (tấn/ngày)

W1: Độ ẩm của phân trước khi ép (khoảng 60%-70%, chọn 60%)

W2: Độ ẩm của phân sau khi ép (khoảng 25%-35%, chọn 30%)

D: Tỷ trọng của phân heo (1,01 tấn/ m³)

Vậy nước rỉ từ quá trình ép phân là $Q_{rp} = 3,78 \times (0,6 - 0,3) / 1,01 = 3,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Bảng 7: Tổng hợp nước thải phải phát sinh tại cơ sở

STT	Nguồn phát sinh	Định mức nước thải	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày.đêm)
I	Nước sinh hoạt	100% nước cấp	0,48
II	Nước thải chăn nuôi	--	37,8312
1	Nước tiểu heo	30% nước cấp cho heo uống	5,67

2	Nước vệ sinh dụng cụ	100% nước cấp	0,2
3	Nước vệ sinh chuồng	100% nước cấp	27
4	Nước sát trùng công nhân	100% nước cấp	0,0012
5	Nước vệ sinh xe	100% nước cấp	1
6	Nước thải từ hệ thống phun sương sau quạt đẩy	100% nước cấp	0,3
7	Nước thải từ quá trình ép phân	$Q_{rp} = M \times (W1 - W2) / D$	3,45
8	Nước rỉ từ hầm hủy xác heo chết	--	0,21
Tổng (I+II)			38,3112

Nước thải chăn nuôi của dự án nếu không được xử lý triệt để sẽ gây ô nhiễm đến môi trường không khí, nước, đất và sức khỏe cộng đồng dân cư.

Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Trang trại đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày.đêm để xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 62 - MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, sau đó xả ra hồ chứa nước thải, nước thải sau xử lý không ra nguồn tiếp nhận mà được tái sử dụng 100%.

2.1.3. Đối với chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt phát sinh tại trang trại khoảng 3kg/ngày (6 người x 0,5 kg/người/ngày). Thành phần chủ yếu là các loại vỏ trái cây, rau thải, đồ ăn thừa,...

Chất thải rắn sinh hoạt về cơ bản không mang tính độc hại, do đó ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, trong môi trường khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, chất thải bị phân hủy nhanh hơn. Nếu không được quản lý tốt, loại chất thải này sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn thông thường không nguy hại phát sinh từ hoạt động của trại chăn nuôi bao gồm: phân heo sau mỗi lần vệ sinh, heo chết do giã mổ (không phải do dịch bệnh), bao bì đựng thức ăn. Phân sau khi ép được thu gom, lưu trữ trong kho chứa phân, sau đó bán cho đơn vị có nhu cầu. Heo chết do giã mổ sẽ được chôn lấp đúng quy định theo QCVN 01-41:2011/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Bao bì sẽ được thu gom bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn, hoặc có thể tái sử dụng để chứa phân tại trại nuôi.

Bảng 8: Thành phần, khối lượng chất thải rắn chăn nuôi phát sinh tại trại

TT	Loại chất thải	Định mức	Số lượng (kg/ngày)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải
1	Phân heo	(2.700con x 1,4kg phân/con/ngày)	3.780	Rắn	14 01 12
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	$M_0(1-a_0)(1-E)/(1-a_1) = 3.780 \times 20\% \times (1-90\%) \times (1-30\%)/(1-75\%)$	11,27	Lỏng	12 06 05
3	Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi	135 bao/ngày x 0,02 kg/bao	2,7	Rắn	18 01 05
4	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (xác heo chết không do dịch bệnh)	27 con, chiếm tỷ lệ 1% tổng đàn heo, với trọng lượng trung bình 50kg/con (1lứa 150 ngày)	9	Rắn	13 02 04
Tổng khối lượng			3.802,97		

c) Chất thải rắn nguy hại

Chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh của cơ sở được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 9: Danh mục chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành

STT	Tên chất thải	Đặc tính	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn	40	16 01 06
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất sắc nhọn)	Rắn	20	13 02 01
3	Chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	30	13 02 02
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	12	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03

7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì chai lọ vaccine,...)	Rắn	40	18 01 03
8	Heo chết (do dịch bệnh)	Rắn	KXĐ	14 02 01
	Tổng cộng		167	

Chất thải nguy hại được chủ cơ sở thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 10m². Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định..

2.2. Tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải

Trong quá trình chăn nuôi việc phát sinh tiếng ồn là không thể tránh khỏi. Tiếng ồn phát sinh từ các nguồn sau:

- Các phương tiện vận chuyển: xe tải chở hàng hóa ra vào trại.
- Vận hành máy phát điện dự phòng.
- Tiếng heo kêu lúc heo đói.

Tuy nhiên, do chuồng trại được xây dựng khép kín, xung quanh cơ sở có tường bao nên tiếng ồn phát tán ra môi trường là không đáng kể.

Kết luận: Từ các phân tích từng nguồn chất thải nêu trên, cho thấy Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Loan, quy mô 2.700 con/lứa phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nơi cơ sở đang hoạt động.

CHƯƠNG III

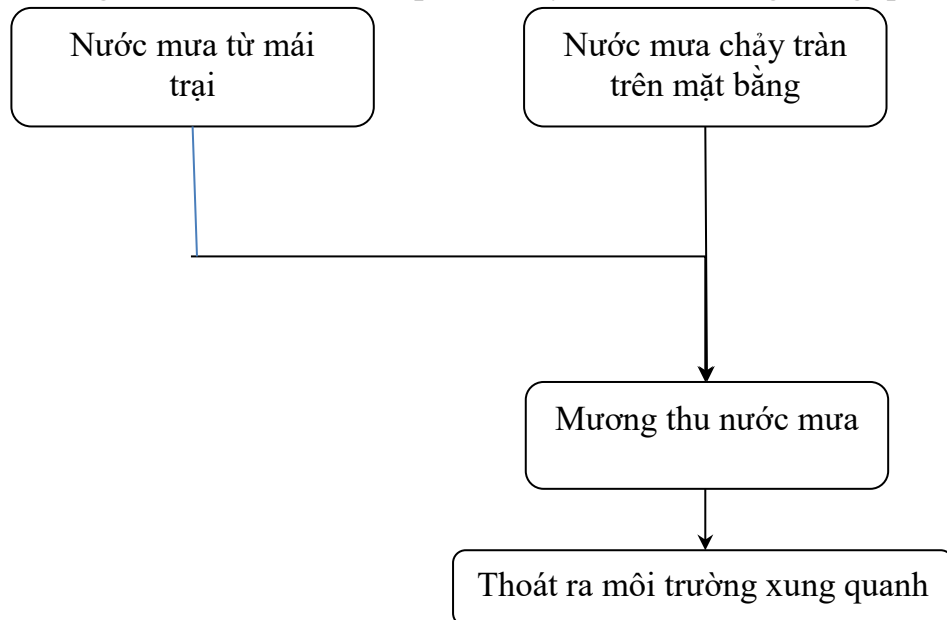
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Về cơ bản thì nước mưa không phải là nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhưng nếu các nguồn gây ô nhiễm phát sinh trong giai đoạn này không được khống chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất cơ sở sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm ra môi trường xung quanh khu vực, có thể gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường nước.

Chủ cơ sở xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải. Khu vực xây dựng cơ sở tương đối rộng, nước mưa chảy tràn trong nội bộ được thu gom cho chảy qua song chắn rác rồi mới tiếp tục chảy ra môi trường xung quanh cơ sở.



Hình 3: Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở

Để khống chế ô nhiễm do nước mưa, Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Không chế các nguồn gây ô nhiễm môi trường (khí thải, nước thải, chất thải rắn) theo đúng quy định. Khu vực sân bãi thường xuyên được làm vệ sinh sạch sẽ, không để rơi vãi chất thải trong quá trình hoạt động của cơ sở.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải, khu vực sân bãi và khu hành lang được tráng bê tông tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế với độ dốc 0,2 – 1,0%. Hướng dốc từ các khu trại nuôi ra xung quanh.

+ Phương thức thoát nước mưa: tự chảy.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên không để phát tán ra ngoài.

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, lưu lượng 0,48 m³/ngày.đêm được xử lý bằng 03 bể tự hoại (kích thước mỗi bể: 2 m x 2 m x 1,2 m, thể tích 4,8m³/bể) để xử lý sơ bộ, rồi chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm bằng tuyến ống nhựa PVC D114 để tiếp tục xử lý.

b) Đối với nước thải chăn nuôi

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại, tắm rửa heo, nước tiểu heo, nước thải phun sương sau quạt hút và nước thải quá trình vệ sinh, sát trùng xe ra vào, nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

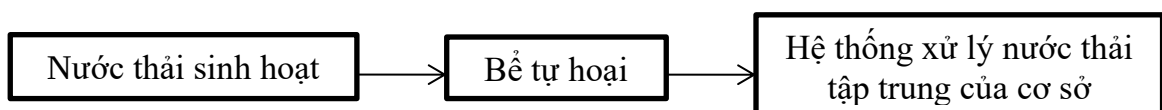
Bảng 10: Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hố ga nước thải (mỗi chuồng có 12 hố ga bên ngoài chuồng nuôi)	- Kích thước 0,4m x 0,4 m x 0,3 m - Xây bằng gạch thẻ, hồ dầu chống thấm - Nắp đan bê tông	36 hố
2	Ống mương dẫn nước thải ngoài chuồng nuôi và chạy dọc theo chuồng nuôi dài 90 m	- Kích thước 0,3m x 0,3 m x 0,3 m - Xây bằng gạch thẻ, hồ dầu chống thấm	06 mương

1.3. Xử lý nước thải:

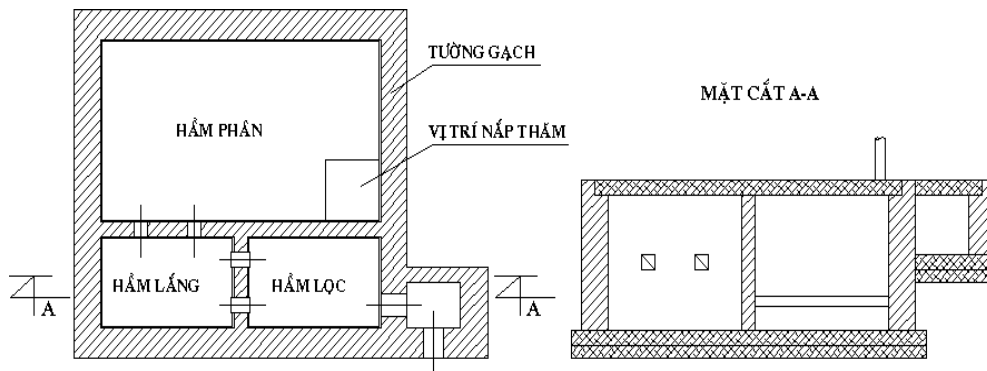
a) Nước thải sinh hoạt

Tổng lượng nước thải sinh hoạt trung bình 0,48 m³/ngày. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ được đưa tới hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý chung với nước thải chăn nuôi.



Chủ cơ sở đã xây dựng 03 bể tự hoại ba ngăn để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, 01 bể có thể tích là 4,8 m³ (L x W x H = 2 x 2

x 1,2m). Vị trí xây dựng gần khu văn phòng + nhà nghỉ công nhân. Cấu tạo bể tự hoại được trình bày trong hình sau:



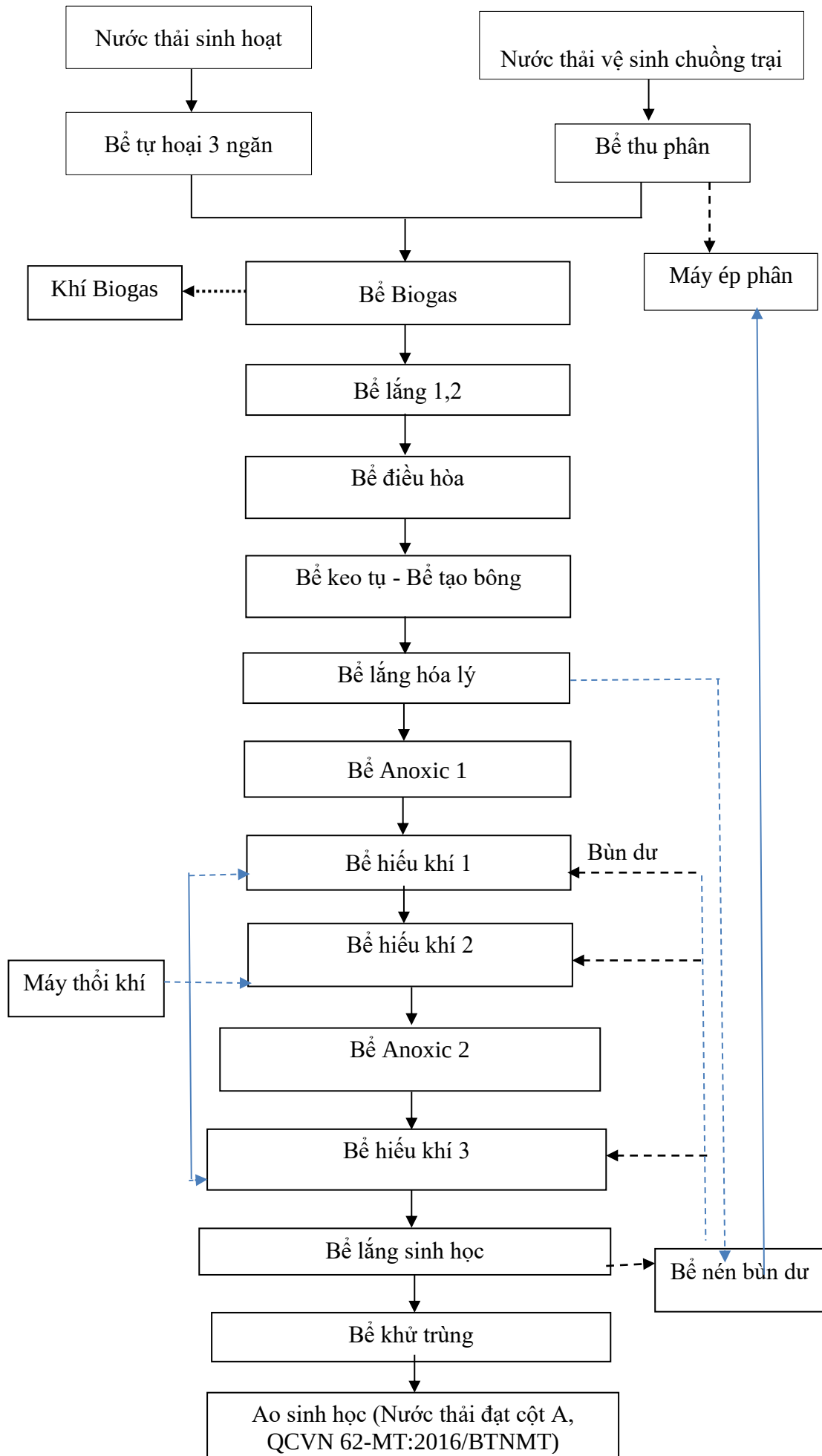
Hình 4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Bể tự hoại 03 ngăn có các chức năng: lắng nước thải, lên men cặn lắng và lọc nước thải sau lắng. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD₅ là 60-65%. Cặn lắng được lưu trong bể từ 3-6 tháng, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy tạo thành khí và các chất vô cơ hòa tan, khí này sẽ thoát ra ngoài bằng lỗ thông hơi. Bùn cặn lên men được hút từ 1-3 năm từ khi bể hoạt động (bể đầy). Tại thời điểm hút, phần bùn cặn chưa lên men nằm phía trên vì vậy ống hút của máy bơm phải đặt sâu xuống đáy bể. Thông thường khi hút phải để lại khoảng 20% lượng bùn cặn để gây men cho bùn cặn tươi đợt sau. Nước thải được đưa qua hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

b) Nước thải chăn nuôi

Xây dựng hệ thống biogas và xử lý nước thải có công suất là 100m³/ngày.đêm nhằm xử lý toàn bộ nước phát sinh đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải, công suất 100m³/ngày.đêm được trình bày như sau:

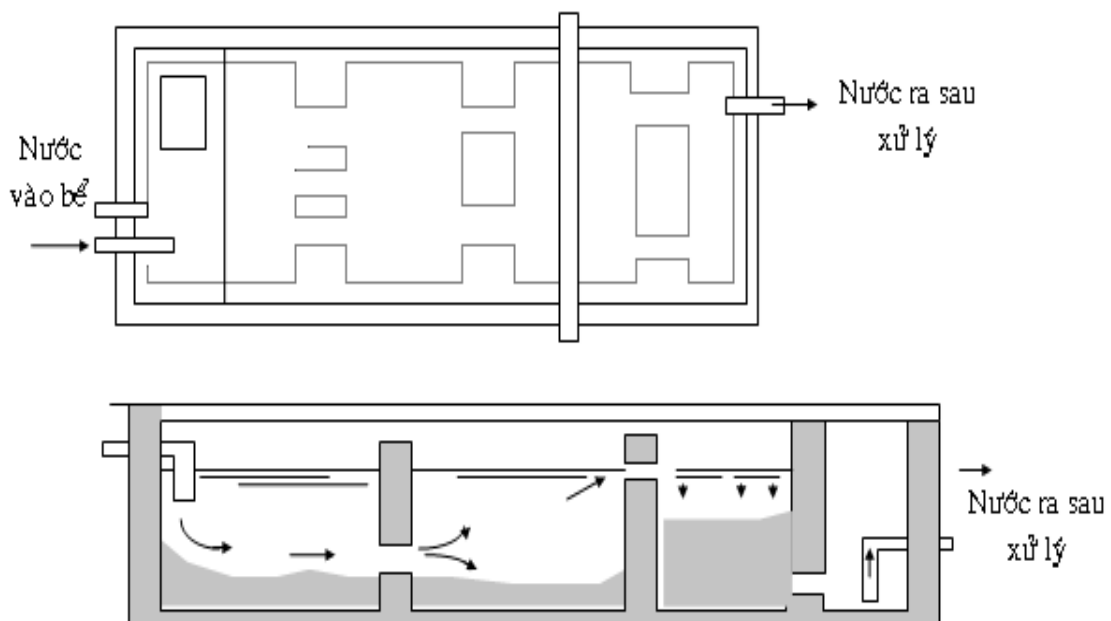


Hình 5: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi của cơ sở

Thuyết trình quy trình xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại trang trại, được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn rồi dẫn vào xử lý tại hầm biogas chung với nước thải chăn nuôi. Theo thống kê của dự án, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trung bình là $0,48 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thể tích hiện tại đang được sử dụng của dự án là $4,8 \text{ m}^3$. Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại 3 ngăn có các chức năng: lắng nước thải, lên men cặn lắng và lọc nước thải sau lắng. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng.

Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD_5 là 60 - 65%. Cặn lắng được lưu trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy tạo thành khí và các chất vô cơ hòa tan, khí này sẽ thoát ra ngoài bằng lỗ thông hơi. Bùn cặn lên men được hút từ 1 - 3 năm từ khi bể hoạt động (bể đầy). Tại thời điểm hút, phần bùn cặn chưa lên men nằm phía trên vì vậy ống hút của máy bơm phải đặt sâu xuống đáy bể. Thông thường khi hút phải để lại khoảng 20% lượng bùn cặn để gây men cho bùn cặn tươi đợt sau. Nước thải được đưa qua hầm biogas để tiếp tục xử lý.



Hình 6: Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng được dẫn về hố thu phân bằng hệ thống mương thu gom. Phân heo sau khi tập trung về hố thu phân được ép tách nước bằng máy ép phân. Quá trình ép phân tách nước làm giảm hàm lượng chất hữu cơ và chất rắn trong nước thải nhờ đó giảm bớt gánh nặng xử lý cho các công trình phía sau. Phần phân sau khi ép tách nước được đóng bao và lưu trữ trong kho chứa có mái che tránh tiếp xúc với mưa hoặc nguồn nước khác chờ đơn vị có nhu cầu đến thu mua. Nước thải sau quá trình ép phân theo mương dẫn chảy về bể Biogas.

Trong *Bể Biogas* diễn ra quá trình oxy hóa các chất hữu cơ và dạng keo trong nước thải dưới sự tham gia của các vi sinh vật kỵ khí. Vi sinh vật kỵ khí sẽ tiêu thụ

các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng và tạo ra năng lượng để hoạt động. Một ưu điểm lớn của bể Biogas là bể có khả năng hoạt động tốt khi nồng độ BOD đầu vào cao, các vi sinh vật tiêu thụ chất hữu cơ hòa tan phần lớn để tạo ra năng lượng hoạt động và còn lại là sinh trưởng, tạo tế bào mới vì vậy lượng bùn tạo ra rất ít, đồng thời sinh ra một lượng lớn khí CH_4 , CO_2 , H_2S . Toàn bộ lượng khí này được dẫn về lò đốt phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của công nhân. Bể Biogas được lót HDPE ở đáy và nắp bể để đảm bảo kín để hiệu quả xử lý của bể cao, đồng thời không thất thoát các khí phát sinh từ Biogas làm giảm hiệu suất đốt và gây ô nhiễm môi trường. Nước thải sau bể Biogas được dẫn sang bể điều hòa.

Bể lắng 1, 2 có nhiệm vụ ổn định lưu lượng và nồng độ nước thải chăn nuôi trước khi dẫn sang các công trình xử lý khác.

Bể điều hòa là công trình có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ của nước thải. Bể điều hòa được sục khí để ngăn chặn lắng xuống đáy bể phân hủy tạo mùi hôi. Từ bể điều hòa, nước thải được bơm đến các công trình xử lý phía sau với lưu lượng ổn định. Nhờ đó, kích thước của các bể phía sau không quá lớn nên chi phí xây dựng giảm, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công trình xử lý hoạt động ổn định, hiệu quả cao và liên tục.

Bể keo tụ - tạo bông:

- Quá trình keo tụ là phương pháp cho các chất keo tụ vào nước. Quá trình này bổ sung các hạt keo mang ion điện tích trái dấu nhằm trung hòa điện tích các chất có trong nước. Quá trình keo tụ diễn ra tiếp xúc trực tiếp, do sự tương tác lẫn nhau giữa các phân tử chất keo tụ, hấp phụ các hạt lơ lửng trong nước. Các hạt keo kết cụm do sự hình thành cầu nối giữa các nhóm hoạt tính trên hạt keo. Một khi điện tích được trung hòa, các hạt lơ lửng nhỏ có khả năng dính vào nhau thành những hạt lớn hơn nhưng không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

- Quá trình tạo bông là quá trình liên kết các bông cặn sau quá trình keo tụ lại với nhau. Từ các hạt lớn không nhìn thấy bằng mắt thường tạo thành các bông cặn như đám mây có thể quan sát được. Quá trình khuấy động làm tăng kích thước các bông, giúp chúng có trọng lượng lớn hơn nước và dễ dàng kết tủa. Các bông cặn hình thành khi lắng xuống sẽ bắt giữ các hạt keo trên quỹ đạo lắng xuống. Từ đó giúp xử lý nước hiệu quả.

Bể lắng hóa lý là một công trình xử lý nước thải, sử dụng các quá trình vật lý và hóa học để tách các chất rắn lơ lửng, các chất keo tụ và các chất hữu cơ có trong nước thải. Nguyên lý hoạt động của bể lắng dựa trên sự chênh lệch khối lượng riêng giữa các hạt rắn và nước.

Bể thiếu khí, rất quan trọng đối với những hệ thống xử lý nước thải có nhu cầu xử lý các chỉ tiêu liên quan đến Nitơ (Amonia, Nitrit, Nitrat và Tổng Nitơ) và Phốtpho. Để vận hành bể thiếu khí Anoxic đạt hiệu quả, bên việc cạnh kiểm soát các điều kiện tối ưu ở trên, lựa chọn vi sinh bổ sung để tăng cường hiệu suất của quá trình xử lý tại bể cũng rất cần thiết. Hiện nay, trên thị trường có 2 chủng vi sinh chuyên dùng để xử lý các chỉ tiêu liên quan đến Nitơ trong bể thiếu khí Anoxic, được nhiều kỹ sư vận hành đánh giá là có hiệu quả vượt trội:

- *Nitrosomonas sp* (có khả năng chuyển hóa Amonia thành Nitrit).
- *Nitrobacter sp* (tiếp tục chuyển hóa Nitrit thành Nitrat).

Bể sinh học hiếu khí: Về bản chất, nguyên lý hoạt động của bể hiếu khí là Oxy được cung cấp bằng máy thổi khí và được đảo trộn liên tục để làm cho các chủng vi sinh Oxy hóa khoáng chất các chất hữu cơ có trong nước thải. Từ đó các chất hữu cơ dễ phân hủy được vi sinh vật hiếu khí sử dụng để phát triển sinh khối. Cụ thể quá trình hoạt động của bể hiếu khí xảy ra qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Tốc độ oxi hóa bằng tốc độ tiêu thụ Oxy. Ở giai đoạn này, bùn hoạt tính được hình thành và phát triển. Các VSV được sinh trưởng mạnh dẫn đến lượng Oxy tăng cao.

- Giai đoạn 2: Vi sinh vật phát triển ổn định và tốc độ tiêu thụ Oxy gần như không thay đổi. Trong giai đoạn này, các chất hữu cơ bị phân hủy mạnh nhất.

- Giai đoạn 3: Tốc độ oxi hóa giảm dần và sau đó lại tăng lên. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ giảm dần và quá trình Nitrat hóa Amoniac xảy ra. Sau cùng, nhu cầu tiêu thụ Oxy lại giảm và quá trình làm việc của Aerotank kết thúc.

Bể lắng sinh học: Là một trong công trình không thể thiếu trong cụm hệ thống bể cho một hệ thống xử lý nước thải. Bể lắng sinh học có nhiệm vụ trong việc lưu nước thải trong một thời gian nhất định. Nhờ trọng lực của Trái Đất mà trong thời gian nước lưu tại bể mà các chất lơ lửng (bùn) có thể lắng xuống đáy bể. Hay nói một cách khác, bể lắng là một phương pháp cơ học giúp tách chất thải rắn có khả năng lắng trong nước thải.

Công trình tiếp theo quy trình xử lý là Bể khử trùng. Tại đây, hóa chất khử trùng được cho nước thải để tiêu diệt hoàn toàn các vi sinh vật còn sót lại đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra, sau đó cho chảy qua bồn áp lực để lọc phân tách sơ bộ các thành phần tạp chất có trong nước nhằm làm sạch nước cấp hoặc nước thải. Nước thải sau khi được khử trùng đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT rồi chảy ra ao sinh học. Nước thải sau xử lý không xả ra nguồn tiếp nhận mà tái sử dụng 100% cho hoạt động vệ sinh chuồng trại.

Trường hợp, hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ dự phòng sự cố, sau đó được bơm ngược lại về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định. Hồ sự cố được xây dựng có thành và đáy lót bạt nhựa HDPE với diện tích 30m x 20m x 3,5m đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rỉ nước ra ngoài môi trường theo đúng quy định.

 *Mô tả các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải:*

Bảng 11: Thông số kỹ thuật của các hạng mục công trình xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
1	Bể Biogas	D x R x H = 30 x 25 x 3,5 = 2.625m ³ Vật liệu: HDPE chống thấm, dày 1,0mm	01	Bể

2	Bể thu gom	$D \times R \times H = 4 \times 3 \times 2 = 24\text{m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
3	Bể lắng 1, 2	$D \times R \times H = 2(14 \times 20 \times 3,5) = 1.960\text{m}^3$ Vật liệu: HDPE chống thấm, dày 1,0mm	02	Bể
4	Bể điều hòa	$D \times R \times H = 2 \times 2 \times 3,3 = 13,2\text{m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
5	Bể keo tụ	$D \times R \times H = 1 \times 0,8 \times 3,3 = 2,64 \text{ m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
6	Bể tạo bông	$D \times R \times H = 1 \times 0,8 \times 3,3 = 2,64 \text{ m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
7	Bể lắng hóa lý	$D \times R \times H = 2,6 \times 2,6 \times 3,3 = 22,31 \text{ m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
8	Bể Anoxic 1	$D \times R \times H = 3 \times 6 \times 3,3 = 59,4\text{m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
9	Bể Anoxic 2	$D \times R \times H = 3 \times 3 \times 3,3 = 29,7\text{m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
10	Bể hiếu khí 1	$D \times R \times H = 4 \times 6 \times 3,3 = 79,2\text{m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
11	Bể hiếu khí 2, 3	$D \times R \times H = (3 \times 3 \times 3,3) + (3 \times 6 \times 3,3) = 89,1 \text{ m}^3$ Vật liệu : BTCT	02	Bể
12	Bể lắng sinh học	$D \times R \times H = 2,6 \times 2,6 \times 3,3 = 22,31\text{m}^3$ Vật liệu: BTCT	01	Bể
13	Bể khử trùng	$D \times R \times H = 3,2 \times 2,6 \times 3,3 = 27,456 \text{ m}^3$ Vật liệu : BTCT	01	Bể
14	Hồ sinh học	$D \times R \times H = 11 \times 25 \times 3,5 = 962,5 \text{ m}^3$ Vật liệu: HDPE chống thấm, dày 1,0mm	01	Hồ
15	Hồ sục cổ	$D \times R \times H = 30 \times 20 \times 3,5 = 2.100 \text{ m}^3$ Vật liệu: HDPE chống thấm, dày 1,0mm	01	Hồ
16	Bể chứa bùn	$D \times R \times H = 2,6 \times 2,2 \times 3,3 = 18,876 \text{ m}^3$ Vật liệu : BTCT	01	Bể

Người vận hành cần kiểm tra các thiết bị trong hệ thống và phải chắc chắn các thiết bị vẫn hoạt động bình thường, cụ thể:

- Kiểm tra các role, cầu chì trong tủ điều khiển: đảm bảo các thiết bị này vẫn hoạt động bình thường, không có hiện tượng cháy nổ.
- Kiểm tra sự vận hành của van (mở hoặc đóng) của bơm, của máy thổi khí.
- Kiểm tra điện áp cho hệ thống.
- Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.

Khởi động hệ thống: Sau khi kiểm tra và cấp nguồn, người vận hành bắt đầu khởi động các thiết bị điều khiển của hệ thống. Nhấn nút START/STOP tương ứng từng bơm để bơm chạy/dừng.

Kiểm soát bảo trì:

- Việc kiểm soát bảo trì hàng ngày của hệ thống xử lý nước rất quan trọng. Thực hiện bảo trì theo loại thiết bị hay theo cấp độ., điều này tùy thuộc vào mức độ ưu tiên bảo trì của từng thiết bị và dụng cụ. Mọi hư hỏng nhỏ về cơ khí cũng làm giảm khả năng xử lý hay thậm chí còn có ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hệ thống. Một hệ thống chạy tự động cũng không ngoại lệ, do đó việc bảo trì hàng ngày đòi hỏi phải chính xác và có kiến thức đầy đủ về khả năng vận hành và giới hạn của hệ thống.

- Chuẩn bị một bảng tập trung những điểm chính cần kiểm tra trước khi thực hiện việc bảo trì, và thiết lập tiêu chuẩn để kiểm soát bảo trì hệ thống dựa trên những báo cáo số liệu hàng ngày.

- Đối với những hạng mục mà khi kiểm tra buộc phải dừng hệ thống thì ta cần phải xem xét tính cần thiết của việc bảo trì hàng ngày và xây dựng kế hoạch cho việc kiểm tra hàng năm đối với những thiết bị đó.

 *Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải*

Bảng 12: Danh mục, số lượng hóa chất sử dụng

STT	TÊN HÓA CHẤT	NỒNG ĐỘ	SỐ LƯỢNG	CÔNG DỤNG
1	NaOH – 99%	10 – 32%	30 kg/tháng	Nâng pH hỗ trợ cho quá trình lắng (pH duy trì trong bể 6,5 – 7,5)
2	PAC	5 – 7%	100 kg/tháng	Giúp kết lắng các hợp chất keo tụ và các chất lơ lửng, loại bỏ chất hữu cơ, vi khuẩn, vi rút có trong nước.
3	Clorine	0,05 – 0,1%	20 kg/tháng	Hóa chất chlorine là một chất hóa học có khả năng khử trùng để diệt khuẩn hoặc làm các vi sinh vật trong nước không có khả năng hoạt động.

2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

a) Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

- Đối với xe chở hàng của trang trại, người phụ trách lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe.

- Đối với các phương tiện là xe máy ra vào cơ sở: Đi vào khuôn viên cơ sở phải tắt máy dẫn bộ.

- Ký hợp đồng vận chuyển: Yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.

- Trồng cây xanh xung quanh trang trại nhằm hạn chế phát thải bụi và khí thải qua môi trường, đồng thời tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu khu vực trang trại.

- Xe của trang trại được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu về môi trường theo quy định.

- Xe chở đúng tải trọng để giảm thiểu phát thải bụi và khí thải ra môi trường.

- Xe được che phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển.

b) Mùi từ hoạt động chăn nuôi

*** Mùi hôi từ khu vực chuồng trại:**

Chủ cơ sở tiến hành hoạt động nuôi heo theo phương pháp chuồng lạnh khép kín và tự động kiểm soát thức ăn, nước uống nên có thể hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng.

Mùi phát sinh từ khu vực chuồng trại bao gồm khí NH_3 , H_2S . Để hạn chế sự phát sinh khí thải, mùi đến mức thấp nhất có thể được, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp như sau:

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn chuồng trại để tránh nước tiểu, phân heo phân hủy gây mùi hôi, tiến hành rửa chuồng trại trong ngày định kỳ 01 lần/ngày. Mương thoát nước thải phía trong các dãy chuồng nuôi sẽ được thiết kế với độ dốc lớn để tránh hiện tượng đọng nước thải, hạn chế gây mùi hôi. Các mương và rãnh thu gom nước thải được đậy kín nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh.

- Thường xuyên nạo vét bùn tích tụ tại các hố ga nhằm hạn chế phân hủy kỵ khí gây mùi, định kỳ nạo vét thường xuyên.

- Nghiên cứu thành phần, khẩu phần nuôi dưỡng để hạn chế phát sinh thức ăn dư thừa, trong chuồng nuôi, hạn chế tạo các chất gây mùi của chất thải.

- Để hạn chế tối đa mùi hôi, toàn bộ thức ăn chăn nuôi được sử dụng enzym giúp heo hấp thụ hết protein trong thức ăn nhằm làm giảm mùi hôi do quá trình phân hủy protein còn dư thừa trong phân.

- Hiểu rõ tập tính của heo thường đi tiêu, tiểu ở nơi ẩm, trong mỗi ô chuồng được tiết kế xây dựng hồ nước nhỏ để heo tiêu, tiểu vào đó. Nước thải được thay thế thường xuyên 1 ngày/lần nên giảm đáng kể mùi hôi.

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, khẩu trang cho các công nhân trực tiếp lao động.

- Quy trình xử lý mùi hôi cho trại chăn nuôi bằng EM:

+ Đối với chuồng nuôi và heo: dùng EM pha với nước sạch theo tỷ lệ pha 1 lít EM cho 200 – 500 lít nước. Phun đều cho chuồng nuôi kể cả phun làm mát cho heo (phun lên mình heo) 3 – 5 ngày phun 1 lần.

+ Đối với Nhà để máy ép phân và chứa phân: pha 1 lít EM với 50 – 100 lít nước sạch. Phun đều vùng gây ra mùi hôi. Có thể phun liên tục hoặc định kỳ 2 – 3 ngày 1 lần.

- Khu vực vành đai và khuôn viên dự án sẽ được trồng nhiều cây xanh nhằm hạn chế gió lùa và hạn chế mùi hôi phát tán.

*** Mùi hôi từ hệ thống thoát nước:**

- Trại chăn nuôi sẽ đặt mương thoát nước bằng các tấm đan xi măng.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế có độ dốc để tránh tình trạng đọng nước gây mùi hôi.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy cho các mương thu gom, thoát nước, tránh hiện tượng phân, nước tiểu lưu lại lâu trong hệ thống mương gây mùi hôi.

*** Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải, chất thải:**

- Nước thải sau khi qua biogas đã phân hủy kỵ khí hoàn toàn nên khi vào khu vực hồ sinh học sẽ không còn sinh mùi nhiều. Mức độ tác động không đáng kể. Do vậy, mùi từ hồ sinh học chỉ cần khống chế bằng cách phát tán tự nhiên. Tuy nhiên, trại sẽ sử dụng thêm các chế phẩm EM để khử mùi và hạn chế ruồi nhặng.

- Phân heo, nước rửa chuồng và nước tắm heo được thu gom vào hầm biogas, chuồng trại được vệ sinh sạch sẽ mỗi ngày để đảm bảo không phát sinh mùi hôi ra khu vực xung quanh. Theo công nghệ này thì phân heo được thu gom khô trước khi vệ sinh chuồng nên phần nào hạn chế được đáng kể sự hòa tan phân heo trong nước làm gia tăng mùi hôi phát sinh khi gặp trời nắng nóng.

- Đối với khí biogas, khí biogas là sản phẩm của quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ dưới tác động của các vi sinh vật kỵ khí. Thành phần chủ yếu gồm CH_4 (60-70%), NH_3 , H_2S , hơi nước,... Đa phần các khí này khi thoát ra môi trường đều gây mùi, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Nhằm đảm bảo không để khí gas thoát ra ngoài, chủ dự án thực hiện một số biện pháp sau:

+ Phủ bạt HDPE dưới lớp lót đáy có bề dày 1 mm để tránh bị thủng và phát tán mùi ra ngoài môi trường.

+ Khí gas được tận dụng để làm nguyên liệu đốt nấu ăn cho công nhân viên trong dự án. Trong quá trình sử dụng khí gas, cơ sở thực hiện các biện pháp đốt có kiểm soát theo quy định. Đường ống dẫn khí gas được sử dụng vật liệu chống ăn mòn (nhựa PVC) đảm bảo hạn chế hư hỏng, không để phát tán khí gas ra môi trường xung quanh.

- Tại các chuồng trại sử dụng theo mẫu thiết kế tiên tiến tạo thoáng khí, mát, thường xuyên có sự thông thoáng nhân tạo với hệ thống thông gió cưỡng bức bằng quạt gió đẩy và hút.

- Trồng cây xanh cách ly. Cây xanh vừa tạo mỹ quan cho khu vực dự án, tạo vi khí hậu, đồng thời có tác dụng trong việc phát tán bụi, khí thải từ dự án ra bên ngoài.

*** Mùi hôi từ khu vực nhà ép phân heo, nhà chứa phân heo, hầm ủ xác:**

- Lượng phân heo được xuất bán liên tục, vì vậy lượng phân tồn tại tại khu vực chứa phân là rất ít hoặc không có. Trường hợp xuất bán không kịp sẽ được lưu trong khu vực nhà chứa phân và phun chế phẩm EM để giảm thiểu mùi hôi hoặc cho các hộ xung quanh làm phân bón cho cây cao su.

- Khu vực chứa, ép phân được thiết kế kín và đảm bảo không gây phát sinh mùi hôi. Bên cạnh đó, chủ đầu tư áp dụng một số biện pháp giảm thiểu sau:

+ Khu vực chứa phân thường xuyên được phun xịt các chế phẩm EM, các loại thuốc diệt ruồi, muỗi để hạn chế mùi hôi cũng như các loài côn trùng gây hại.

+ Làm lưới ngăn ruồi tại mỗi cửa sổ và cửa ra vào, lối đi khu chăn nuôi. Không để phân của vật nuôi ở những nơi ruồi có thể tiếp cận, vì phân sẽ là nguồn thức ăn cho trứng ruồi.

+ Sử dụng thuốc diệt côn trùng tại những khu vực phát sinh như nhà ép phân, khu vực chứa rác.

+ Khu vực chứa phân thì được xây dựng có mái che, đảm bảo kín, không để tích tụ mùi, khí độc.

- Mùi hôi tại hầm ủ xác heo chết do giã mổ (không phải heo chết do dịch bệnh): phun chế phẩm EM, phun thuốc diệt côn trùng có hại.

- Khu vực sản xuất chuyển phân và nhà chứa phân nằm tách biệt với khu trại cũng như hoạt động của công nhân, tránh hướng gió, gần khu vực vận chuyển tại cổng phụ của trang trại để thuận lợi cho việc thu mua, đảm bảo khoảng cách an toàn. Ngoài ra, Chủ cơ sở sẽ sử dụng chế phẩm sinh học EM để khử mùi 01 lần/ngày. EM được pha loãng với nước, phun trực tiếp vào phân và phân không khí xung quanh phân để phân hủy các chất gây mùi.

*** Mùi hôi phía sau quạt hút không khí bên trong mỗi nhà nuôi đẩy ra ngoài môi trường:**

- Để giảm thiểu mùi hôi phía sau quạt hút của hệ thống làm mát, chủ cơ sở cần kiểm soát tốt quy trình chăn nuôi. Thường xuyên vệ sinh chuồng trại nhằm hạn chế khả năng phân hủy gây mùi trong chuồng nuôi. Chuồng nuôi luôn được đảm bảo

khô thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp nên giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình phân giải chất thải trong khu vực chuồng nuôi.

- Chuồng nuôi heo phía đầu mỗi dãy chuồng được lắp đặt tấm làm mát có kích thước 0,15 m x 0,3 m x 1,8 m. Phía cuối mỗi trại được bố trí hệ thống quạt hút 50", lắp đặt 24 quạt hút cho 03 dãy chuồng nuôi (công suất 1 quạt hút là 44.800 m³/giờ). Quạt hút được bố trí phía ngoài nhằm giảm độ ồn và thu không khí dễ dàng hơn. Hoạt động của hệ thống làm mát, quạt hút sẽ đảm bảo cho môi trường không khí phía trong khu vực chuồng nuôi luôn thông thoáng, mát mẻ (nhiệt độ ở khoảng 26 – 27°C) và nền chuồng luôn đảm bảo khô thoáng, giảm độ ẩm trong phân heo, hạn chế được mùi hôi phát sinh từ quá trình phân giải phân heo, nước tiểu.

- Chủ cơ sở xây dựng buồng thu gom xử lý khí thải, kích thước của buồng thu gom xử lý khí thải của chuồng heo thịt (14 m x 4 m x 5m). Mùi hôi phía sau hệ thống quạt hút sẽ được thu gom tại buồng xử lý khí thải, với vật liệu thiết kế là lưới lan bao quanh và lưới lan lọc phía trên (có chất lượng cao, lưới có tuổi thọ trung bình từ 2 năm trở lên). Mỗi dãy chuồng bố trí 01 buồng thu gom, xử lý phía sau quạt hút. Tại mỗi buồng sẽ bố trí hệ thống phun sương chế phẩm EM vào không khí bị ô nhiễm phía sau quạt hút để giảm thiểu mùi hôi, làm sạch không khí trước khi thoát ra bên ngoài, trung bình cứ cách 1m sẽ lắp đặt 1 pec phun vi sinh. Hệ thống xử lý mùi hôi như sau:

Mùi hôi → Quạt hút → Buồng thu gom, xử lý khí thải → Không khí sạch thoát ra môi trường.

- Chế phẩm EM: Trong chế phẩm EM có khoảng 80 loài vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí, dễ sử dụng và hiệu quả trong lĩnh vực chăn nuôi, giúp phân hủy nhanh các chất hữu cơ, ức chế sự phát triển của vi sinh vật có lợi giúp cải thiện sức khỏe và giảm stress cho vật nuôi, góp phần làm tăng năng suất. Có nhiều cách sử dụng EM trong chăn nuôi như: cho vào thức ăn, nước uống của vật nuôi, phun xịt trong và xung quanh chuồng nuôi.

c) Khí thải từ máy phát điện dự phòng

- Sử dụng nguồn nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (S=0,05%) đối với máy phát điện chạy bằng dầu DO.

- Tuân thủ các hướng dẫn vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các máy phát điện thường xuyên để duy trì hiệu suất hoạt động của máy.

- Khí thải được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống cao 3m, vật liệu inox để hạn chế gây ô nhiễm cục bộ khu vực mặt đất.

- Máy phát điện của trại chăn nuôi chỉ để dự phòng trong trường hợp mạng lưới điện quốc gia xảy ra sự cố, hoặc cắt điện định kỳ nên nguồn ô nhiễm sinh ra từ máy phát điện không thường xuyên, mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

d) Phòng ngừa, giảm thiểu ruồi, muỗi

Chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ruồi, muỗi như sau:

- Đối với quần thể động vật cảm thụ (thực hiện tốt 3 sạch):
- + Thức ăn phải đảm bảo số lượng, chất lượng, không mốc, không thiu thối...
- + Nước uống cấp cho heo phải đảm bảo vệ sinh.
- + Nhà nuôi heo phải quét dọn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, cao ráo, thoáng mát.
- Nơi tập kết rác thải, chất thải là nơi cung cấp dinh dưỡng cho ruồi, vì vậy để giảm thiểu số lượng ruồi thì định kỳ chủ dự án sẽ thu dọn chất thải xung quang trại.
- Sử dụng các loại thuốc diệt côn trùng để trừ diệt ruồi, muỗi tại các khu vực tập kết rác thải, chất thải.

đ) Biện pháp thực hiện tiêu độc, sát trùng chuồng trại

**** Đối tượng tiêu độc khử trùng***

- Chuồng nuôi heo: nền nhà, trần nhà, vách nhà, khoảng không khí trong chuồng nuôi heo và xung quanh khu vực trại.
- Dụng cụ chăn nuôi: máng ăn, máng uống, các loại dụng cụ khác dùng trong chăn nuôi.
- Các vật dụng, phương tiện vận chuyển ra ngoài trại.

**** Thời gian thực hiện tiêu độc sát trùng***

- Khi không có dịch bệnh: định kỳ hàng tháng tiến hành phun thuốc một lần.
- Khi có dịch bệnh: thực hiện tiêu độc 02 lần/tuần, liên tục cho đến khi hết dịch.
- Sau mỗi khi xuất chuồng phải vệ sinh, sát trùng tiêu độc và để trống chuồng nuôi trong thời gian tối thiểu là 02 ngày trước khi nuôi mới.

**** Lựa chọn thuốc sát trùng***

- Cách sử dụng một trong những loại thuốc sát trùng như: Lavecide, Benkocide, Chloramin,...các thuốc này đều có tính sát trùng nhanh, mạnh, kéo dài, hoạt phổ rộng, tiêu diệt được hầu hết các loại mầm bệnh, kể cả nấm, bào tử, vi rút và một số nguyên sinh động vật.
- Có thể phun xịt chuồng nuôi heo đang có vật nuôi nhưng tránh phun trực tiếp lên mình vật nuôi.

- Liều lượng sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

**** Các bước thực hiện tiêu độc sát trùng***

- Bước 1: Làm sạch cơ học:
 - + Bước này rất quan trọng có thể giúp loại trừ đến 80% mầm bệnh.
 - + Phun nước chuồng trại trước khi dọn rửa để tránh bụi (có thể mang mầm bệnh) bốc lên. Bước này giúp cho việc dọn phân, nước tiểu và chất hữu cơ sinh học khác được dễ dàng hơn.

+ Đối với một số mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây giữa người và động vật,...áp dụng biện pháp phun thuốc sát trùng trực tiếp lên chất độn chuồng, phân trước khi quét dọn.

+ Quét dọn thu gom lại tất cả các chất bẩn hữu cơ như: phân, chất lót chuồng, thức ăn để đốt hoặc chôn.

+ Dùng bàn chải và vòi nước áp lực để xịt nước rửa sạch nền, vách, không để các vũng nước đọng trên bề mặt được sát trùng.

+ Tất cả các vật dụng, phương tiện trước khi sát trùng phải được làm sạch cơ giới.

+ Sau khoảng 1 – 2 giờ khi bề mặt nền đã khô ráo nước, tiến hành phun thuốc cho đều, chú ý các hố, hốc.

- Bước 2: Sát trùng.

*** Đối với chuồng nuôi heo đang có vật nuôi**

- Pha thuốc sát trùng trong bình, nén khí, phun dưới dạng khí dung lên toàn bộ trần, vách, tường, không khí chuồng nuôi heo để sát trùng.

- Đối với sát trùng không khí chuồng nuôi, lượng dùng 1,2 – 1,5 lít dung dịch cho 100m³ thể tích không khí chuồng nuôi heo (thể tích chuồng nuôi heo = dài x rộng x cao).

*** Đối với chuồng nuôi heo trống, đất xung quanh khu nuôi, phương tiện vận chuyển:**

- Phun thuốc sát trùng lên toàn bộ bề mặt nền, tường, máng ăn, máng uống, trần, mái chuồng nuôi.

- Thuốc sát trùng được phun đảm bảo ướt toàn bộ bề mặt vật được sát trùng và phun theo chiều từ cao xuống thấp.

*** Đối với nước uống, bể chứa nước:**

- Tháo hoặc đổ bỏ toàn bộ nước cũ chứa trong bể.

- Dùng bàn chải cọ rửa sạch bề mặt bên trong bể, rửa lại bằng nước sạch.

- Để khô phun thuốc sát trùng chloramin B với nồng độ 2 – 3% toàn bộ thành bể.

- Sau đó ít nhất 30 – 60 phút, rửa lại bằng nước sạch và bơm nước mới vào bể.

Lưu ý: Bất kỳ một loại thuốc sát trùng nào cũng đều có tính độc ít hay nhiều tùy thuộc loại đối với người và vật nuôi. Do đó, khi phun xịt, người nuôi nên mặc đồ bảo hộ, đeo khẩu trang và tuyệt đối không phun xịt lên mình vật nuôi.

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm dư thừa ở mức từ 65 -70% và phần còn lại là giấy, nilon nhựa. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 3kg/ngày.

Thiết bị lưu chứa:

- + Thùng rác dung tích 60 lít
- + Số lượng: 02 thùng.
- + Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

Biện pháp xử lý: Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

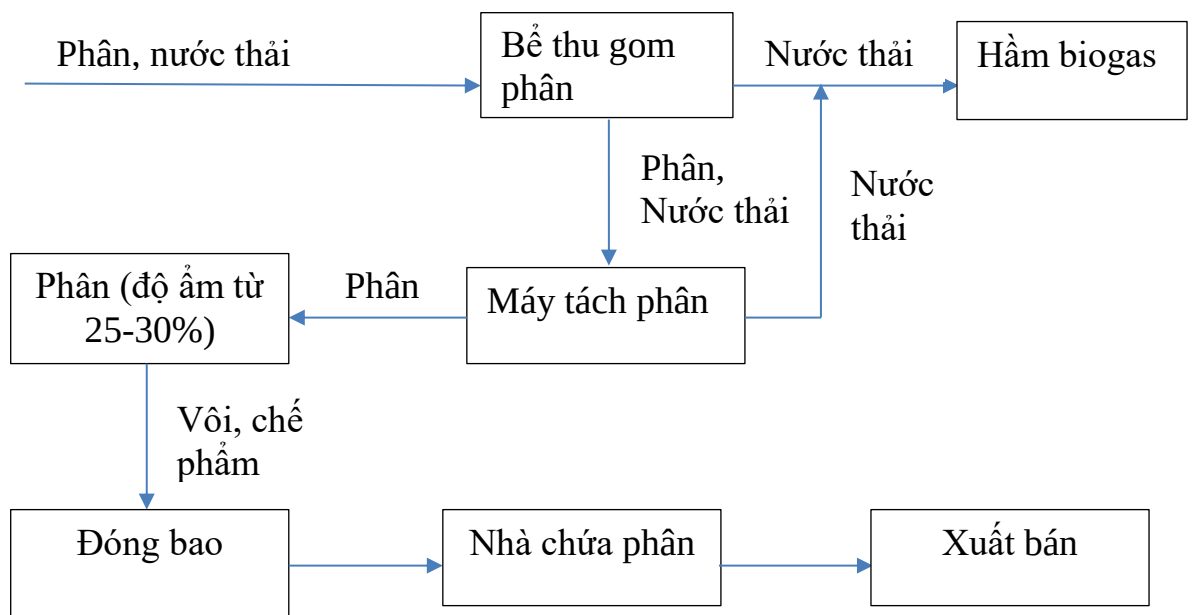
Tần suất thu gom, chuyển giao: 3 ngày/lần

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Bao bì thức ăn gia súc

- Bao bì thức ăn gia súc đã qua sử dụng được thu gom tập trung vào kho chứa chất cám và tận dụng vào mục đích chứa phân sau khi ép để bán lại cho các đối tượng có nhu cầu.

b) Phân heo



Hình 7: Quy trình xử lý chất thải rắn gồm phân heo, bùn thải

- Toàn bộ phân heo phát sinh tại chuồng nuôi được thu gom phân khô tại mỗi chuồng nuôi vào buổi sáng mỗi ngày, phần còn lại bám trên mặt sàn chuồng sẽ được công nhân sử dụng vòi xịt áp lực cao để vệ sinh sạch sẽ, nước thải được thu gom dẫn về bể thu gom sau đó bơm vào máy ép phân để ép.

+ Nước thải sau khi ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt yêu cầu về môi trường.

+ Phân sau khi ép được phun chế phẩm khử mùi EM, đóng bao, lưu kho và xuất bán cho đơn vị có nhu cầu.

- Khoảng 80% lượng phân được đưa về máy ép phân để ép tách nước, khoảng 20% lượng phân heo đưa về bể biogas để xử lý.

- Trang trại đã xây dựng nhà ép phân và chứa phân với diện tích 50 m², đảm bảo sức chứa hết lượng phân chờ chuyển giao cho đơn vị thu mua.

c) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bể biogas

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khá ít được thu gom đưa về sân phơi bùn để tách nước và ủ cùng với phân heo.

- Với thời gian hút bùn bể biogas định kỳ 12 tháng/lần, lượng bùn dư hút thải loại từ biogas sẽ đưa về nhà ép phân để tách nước và ủ với phân heo.

d) Xác heo chết không do dịch bệnh

- Trại thường xuyên được khử trùng, heo được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ và có bác sĩ thú y trực tiếp chăm sóc đàn heo nên lượng heo chết là tương đối nhỏ. Lượng heo chết sẽ được tập kết và xử lý trong ngày nhằm tránh gây phát sinh mùi hôi thối.

- Trại bố trí 02 hố hủy xác heo chết không do dịch bệnh; mỗi hố có kích thước 4m x 3m x 1,5m (18 m³), kết cấu tường gạch, đáy hầm bằng bê tông chống thấm, có nắp đậy kín. Hố hủy xác đặt cách xa khu trại nuôi, đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

- Xác heo chết được thu gom chuyển về hố hủy xác để xử lý, sẽ phát sinh 02 nguồn thải sau:

+ Nước rỉ từ quá trình phân hủy xác heo: Chủ cơ sở bố trí hố gas thu gom nước rỉ và đặt ống dẫn về bể biogas để tiếp tục xử lý.

+ Khí thải phát sinh từ quá trình phân hủy xác heo, để hạn chế phát sinh khí thải, Chủ cơ sở sẽ thiết kế hầm hủy xác heo có nắp đậy kín.

4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

4.1. Chất thải rắn nguy hại:

Trong quá trình hoạt động trang trại phát sinh: bóng đèn huỳnh quang, pin thải, mực in,...ước tính khoảng 167 kg/năm.

4.2. Hình thức lưu trữ:

Chất thải nguy hại (CTNH) được chủ dự án thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 10m², đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH

- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra
- Tần suất thu gom: 01 ngày/lần
- Tần suất chuyển giao: 1 năm/lần

4.3. Biện pháp xử lý:

- Các loại chất thải nguy hại như: Bao bì đựng thuốc sát trùng; chai, lọ vắc xin; ống kim tiêm heo... được Công ty cung cấp thuốc thú y tiến hành thu gom và trả về Công ty ngay sau khi sử dụng xong.

- Các loại chất thải nguy hại khác: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ,... chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại để xử lý đúng quy định.

*** Đối với heo chết do dịch bệnh:** Chủ cơ sở có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thú y địa phương để tìm ra nguyên nhân gây chết và phòng tránh các bệnh dịch lây lan khác. Sau đó, tiến hành chôn lấp dưới sự chỉ đạo của cơ quan thú y. Việc chôn lấp đảm bảo đúng quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Chủ cơ sở bố trí 200 m² đất dự phòng tại cơ sở để chôn lấp heo chết do dịch bệnh nếu có xảy ra.

Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1 m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học

Biện pháp kỹ thuật âm học có thể xem là biện pháp nhằm tạo được môi trường âm thanh tiện nghi, môi trường làm việc có mức ồn đạt quy chuẩn, quy định. Các giải pháp kỹ thuật âm học cụ thể thường được áp dụng như sau:

- Thao tác bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm nhẹ nhàng.
- Thường xuyên bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị theo định kỳ.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Các phương tiện vận tải ra vào trại nuôi phải giảm tốc độ
- Hạn chế bóp còi khi xe lưu thông trong khu vực trại

- Trồng cây xanh xung quanh trong khu vực trại nuôi, cây xanh ngoài chức năng tạo cảnh quan đẹp cho khu vực vừa có chức năng hút ẩm.

5.2. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng

Để hạn chế mức độ ồn gây ra bởi máy phát điện khi vận hành máy, chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện
- Sử dụng vỏ cách âm cho máy phát điện và khí thải được phát tán ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao
- Nền đế máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.
- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

5.3. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do heo kêu

Quá trình cho heo ăn, uống được thực hiện bằng hệ thống tự động hoặc bán tự động nên nhu cầu thức ăn, nước uống cho heo được cung cấp đầy đủ, heo nuôi không bị đói nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại nuôi, làm tăng cảnh quan khu vực đồng thời giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI CƠ SỞ ĐI VÀO VẬN HÀNH

6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.1.2. Đối với bể tự hoại, bể biogas, hệ thống xử lý nước thải

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của bể tự hoại, làm sạch, thông tắc đường ống.
- Đối với hệ thống biogas:
 - + Cách khắc phục đối với hầm không có khí hoặc có khí nhưng không đủ dùng: Phải chờ thêm thời gian để phân hủy tiếp; cấy thêm vi khuẩn; đun nóng nguyên liệu để nạp; kiểm tra hệ thống rò rỉ ở thiết bị phân hủy và đường ống.
 - + Đối với việc thừa khí sử dụng cần phải giảm bớt lượng nạp bổ sung thường xuyên và xả đốt khí dư thừa có kiểm soát.
 - + Khi không có khí sinh ra nữa do quá trình lên men bị nhiễm độc cách khắc phục
- Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- + Lắp đặt thiết bị dự phòng để vận hành khi có hư hỏng thiết bị
- + Công nhân viên được tập huấn, đảm bảo khả năng vận hành trước khi giao vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- + Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải.

6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải

Xây dựng khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, chủ cơ sở sẽ xây dựng phương án phòng chống sự cố như sau:

- Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện
- Huấn luyện cho toàn thể công nhân các biện pháp PCCC
- Trang bị thiết bị PCCC
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho những công nhân làm việc
- Khu vực lưu trữ các chất dễ cháy được bố trí riêng
- Không vứt tàn thuốc bừa bãi.

6.3. Phòng ngừa dịch bệnh

Phòng chống dịch bệnh cho Trại chăn nuôi là công việc rất quan trọng, là quan tâm hàng đầu nhằm chủ động ngăn chặn và tiêu diệt các mầm bệnh phát sinh. Vì vậy, trại nuôi có kế hoạch phòng chống dịch bệnh như sau:

a) Yêu cầu về sát trùng

- Trại nuôi, hệ thống cống rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh đảm bảo sát trùng triệt để theo quy định của thú y.
- Trại nuôi, nhà kho sau khi được vệ sinh sát trùng được để khô, sau đó mới cho thức ăn vào.
- Cổng ra vào được đóng kín và có hố sát trùng.
- Có hố sát trùng cho xe vận chuyển ra vào trại.
- Trước lúc vào làm việc thay quần áo, giày dép đã sát trùng và rửa tay bằng dung dịch sát trùng.
- Quần áo bảo hộ lao động được giặt sạch và sát trùng sau khi sử dụng.

b) Vệ sinh phòng bệnh

- Trại nuôi có vành đai cách ly bên ngoài: Chủ cơ sở sẽ tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh kín toàn bộ khu vực trại chăn nuôi và không cho các loại gia

cầm, gia súc bên ngoài xâm nhập vào trại nuôi.

- Các động vật cư trú truyền dịch bệnh cho đàn heo như chuột, chồn, côn trùng, chim tự nhiên,... được tiêu diệt theo hướng dẫn của thú y.

- Thức ăn cho heo sạch, không bị vón cục.

- Khi nghi ngờ heo bị ngộ độc thì ngừng cho ăn và báo cáo cán bộ thú y biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Sau khi chuyển heo ra khỏi dãy trại nuôi hoặc bán đều vệ sinh trại sạch sẽ, để trống trại ít nhất 2 tuần mới thả heo đợt mới để nuôi tiếp.

c) Vệ sinh nguồn nước:

Nguồn nước dùng nuôi heo đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các thiết bị chứa nước định kỳ vệ sinh. Bên cạnh đó, định kỳ kiểm tra chất lượng nước ngầm.

d) Vệ sinh thức ăn

- Kho chứa thức ăn thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng.

- Kho chứa có biện pháp chống mối mọt, chuột, côn trùng phá hoại.

- Các thiết bị chứa thức ăn định kỳ sát trùng, tẩy uế, tránh tình trạng tồn trữ thức ăn cũ gây hư hỏng.

đ) Vệ sinh nhân lực

- Người cũng là phương tiện trung gian truyền bệnh hoặc mang vi trùng. Một số bệnh có thể lây truyền từ người sang heo hoặc từ heo sang người. Vì vậy, định kỳ khám sức khỏe cho công nhân lao động tiếp xúc trực tiếp với đàn heo. Khi công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh, tiến hành đưa công nhân đến ngay trạm y tế gần nhất để thăm khám và chữa bệnh. Sau đó tiến hành phun thuốc tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực dự án để tránh tình trạng lan truyền dịch bệnh.

- Ngoài ra, công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình chăn nuôi như: quần áo bảo hộ, giày ủng, găng tay,...

e) Vệ sinh dụng cụ, trang bị

- Mỗi dãy trại có những vật dụng như: chổi, xô, xẻng, dụng cụ đựng thức ăn, không sử dụng chung với các dụng cụ khác, những vật dụng này được làm vệ sinh hàng ngày.

- Các loại dụng cụ thú y cũng trang bị riêng cho từng khu nuôi, không dùng chung. Trước và sau khi sử dụng, sát trùng kỹ lưỡng. Một số dụng cụ thú y như: dao, kéo,... định kỳ kiểm tra độ sắc bén.

g) Phát hiện bệnh sớm

- Tiến hành theo dõi và khám bệnh cho đàn heo trong trại để phát hiện ngay những con có dấu hiệu bệnh để có kế hoạch điều trị thích hợp. Việc phát hiện bệnh sớm có lợi cho công tác điều trị vì thông thường cứ phát hiện bệnh trễ thì mầm bệnh sẽ sinh sản nhanh, càng phát hiện trễ thì cơ thể heo bệnh càng bị suy nhược, khó điều trị.

- Cách ly heo bệnh: khi heo bệnh có biện pháp cách ly heo khỏe mạnh với heo bệnh, có biện pháp tiêu độc tẩy uế kỹ trại heo bệnh. Biện pháp cách ly tích cực giúp hạn chế mầm bệnh lây lan.

- Heo xuất khỏi trại phải có giấy chứng nhận sức khỏe và lịch dùng thuốc.

h) Điều trị bệnh sớm

Sau khi phát hiện và chuẩn đoán, nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

k) Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro

- Khi phát hiện heo có biểu hiện lạ và chết trong trại chăn nuôi thì Chủ cơ sở sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan thú y quản lý ở địa phương hoặc công ty cung cấp giống để kịp thời ứng cứu. Ngoài ra, trại nuôi thực hiện các biện pháp sau:

- Không đưa heo có biểu hiện bệnh, chết và chất thải của con heo ra khỏi trại chăn nuôi.

- Đặt các điểm kiểm soát, khử trùng các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào trại trong thời gian có biểu hiện lạ.

- Cách ly heo bị bệnh để theo dõi, phun thuốc sát trùng trại nuôi nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các con heo còn lại.

- Khi heo bị chết hàng loạt, chủ dự án báo ngay với Chi cục Thú y tỉnh Tây Ninh và các đơn vị khác có liên quan để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp lý.

- Khi trại nuôi phát sinh sự cố như: phát sinh ruồi, muỗi, công nhân lập tức tiến hành dọn dẹp, vệ sinh, sát trùng trại. Đồng thời tiến hành rà soát quy trình chăn nuôi trong toàn trại nuôi để tránh phát sinh sự cố tiếp theo.

7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC: Không có.

8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Cơ sở không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi .

9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Cơ sở có một số nội dung thay đổi so với các kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận, như sau:

Bảng 13: Nội dung thay đổi so với Kế hoạch BVMT đã được phê duyệt

STT	Nội dung	Trong báo cáo Kế hoạch BVMT đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi so với Kế hoạch BVMT được phê duyệt
1	Chủ cơ sở	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thị Loan, Võ Đức Hiếu	Nguyễn Thị Loan
2	Hố hủy xác heo chết	30 m ²	24 m ²
3	Khu vực cho heo chết do dịch bệnh	30 m ²	200 m ²
4	Buồng xử lý mùi sau trại nuôi	0	168 m ²

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

a) Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 0,48 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình chăn nuôi heo gồm nước vệ sinh chuồng trại, rửa thiết bị dụng cụ, nước tiểu heo, sát trùng xe, sát trùng người, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải của chuồng nuôi, nước thải từ quá trình ép phân và nước rỉ từ hồ hủy xác heo chết, lưu lượng 37,8312 m³/ngày.đêm.

b) Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của trang trại chăn nuôi là 38,3112 m³/ngày.đêm.

c) Dòng nước thải

Trang trại chăn nuôi phát sinh 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm của cơ sở. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột A ($K_q=0,6$; $K_f=1,3$) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là hồ sinh học trong cơ sở.

d) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sinh hoạt như bảng sau:

Bảng 14: Thông số và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải của cơ sở

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A ($K_q=0,6$, $K_f=1,3$)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	31,2	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	39	
4	COD	mg/l	78	
5	Tổng N	mg/l	39	
6	Tổng Coliform	mg/l	3.000	

Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án được xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT, hệ số $K_q=0,6$, $K_f=1,3$ mới thải ra nguồn tiếp nhận.

đ) Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: tại đường ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, tọa độ: **X= 1288 646 ; Y= 562 777**.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

- Phương thức xả thải: tự chảy

- Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ/ngày)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được chứa trong hồ sinh học của cơ sở để tái sử dụng 100%. Nước thải sau xử lý không thải ra nguồn tiếp nhận ngoài dự án.

- Công trình xử lý nước thải ngoài phạm vi cơ sở: không có

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

a) Nguồn phát sinh khí thải chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01 – Chuồng số 01: khí thải từ 8 quạt hút bên trong chuồng nuôi heo thịt 01, lưu lượng tối đa là 313.600 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 44.800 m³/giờ/quạt hút).

- Nguồn số 02 – Chuồng số 02: khí thải từ 8 quạt hút bên trong chuồng nuôi heo thịt 02, lưu lượng tối đa là 313.600 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 44.800 m³/giờ/quạt hút).

- Nguồn số 03 – Chuồng số 03: khí thải từ 8 quạt hút bên trong chuồng nuôi heo thịt 03, lưu lượng tối đa là 313.600 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 44.800 m³/giờ/quạt hút).

- Nguồn số 04- Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 50 KVA. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện, với lưu lượng phát sinh khoảng 283 m³/giờ.

b) Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải

- Nguồn khí thải từ số 01 - 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.800 m³/giờ/quạt.

- Nguồn khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 283 m³/giờ.

c) Dòng khí thải

Cơ sở phát sinh 04 dòng khí thải thoát ra ngoài môi trường, cụ thể:

- 03 dòng khí thải thoát ra ngoài môi trường thông qua 24 quạt hút phía sau 03 chuồng dãy chuồng nuôi.

- 01 dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng có công suất 50 KVA.

d) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

- Nguồn khí thải từ số 01 - 03 đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 05:2023/BTNMT

TT	Tên chất	Đơn vị	Thời gian trung bình	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	µg/Nm ³	1 giờ	42	02 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	NH ₃	µg/Nm ³	1 giờ	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	24 giờ	200		

- Nguồn khí thải số 04 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kv = 1,0; Kp = 1,0.

Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

đ) Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải

Vị trí xả khí thải, bụi:

- Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng heo thịt 01; tọa độ vị trí xả khí thải: **X= 1288 675; Y= 562 789.**

- Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng heo thịt 02; tọa độ vị trí xả khí thải: **X= 1288 705; Y= 562 790.**

- Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng heo thịt 03; tọa độ vị trí xả khí thải: **X= 1288 733 Y= 562 785.**

- Nguồn khí thải số 04: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng ; tọa độ vị trí xả khí thải: **X=1288 660; Y= 562 812.**

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°03', múi chiều 3°).

Phương thức xả thải:

- Nguồn khí thải số 01 - 03: khí thải, bụi xả cường bức thông qua hệ thống quạt hút, xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 04: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

Chế độ xả thải: gián đoạn

Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi cơ sở: không có

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

a) Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01 – Chuồng số 01: phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi heo thịt số 01.

- Nguồn số 02 – Chuồng số 02: phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi heo thịt số 02.

- Nguồn số 03 – Chuồng số 03: phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi heo thịt số 03.

- Nguồn số 04 - Phát sinh từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 50 KVA.

- Nguồn số 05 - Phát sinh từ hoạt động của Nhà ép phân.

b) Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Các nguồn thải trên nếu được khống chế tốt và xử lý cục bộ bằng các biện pháp quản lý kỹ thuật hợp lý thì tiếng ồn và độ rung sẽ đạt giới hạn cho phép Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT.

Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	--	Khu vực thông thường

c) Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tọa độ vị trí: X= 1288 675; Y= 562 789.

- Nguồn số 02: tọa độ vị trí: X= 1288 705; Y= 562 790.

- Nguồn số 03: tọa độ vị trí: X= 1288 733 Y= 562 785.
- Nguồn số 04: tọa độ vị trí: X=1288 660; Y= 562 812.
- Nguồn số 05: tọa độ vị trí: X = 1288 715; Y = 562 795.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh

a) Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh

Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Nguồn phát sinh	Định mức (kg/người.ngày)	Khối lượng (kg/ngày)
1	Hoạt động sinh hoạt hàng ngày của 6 công nhân làm việc tại trang trại chăn nuôi	0,5	3

b) Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Bảng 20: Thành phần, khối lượng chất thải rắn chăn nuôi phát sinh tại trại

TT	Loại chất thải rắn	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (<i>xác heo chết không do dịch bệnh</i>)	13 02 04	Rắn	9
2	Phân động vật, phân bón hữu cơ thải (gồm cả rơm) (<i>Phân heo</i>)	14 01 12	Rắn/bùn	3.780
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	14 03 04	Bùn	11,27
4	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải (<i>Bao bì đựng thức ăn</i>)	18 01 06	Rắn	2,7
Tổng khối lượng		-	-	3.802,97

c) Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Bảng 21: Danh mục chất thải nguy hại trong giai đoạn cơ sở vận hành

STT	Tên chất thải	Đặc tính	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn	40	16 01 06
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất sắc nhọn)	Rắn	20	13 02 01
3	Chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	30	13 02 02
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	12	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì chai lọ vaccine,...)	Rắn	40	18 01 03
8	Heo chết (do dịch bệnh)	Rắn	KXĐ	14 02 01
	Tổng cộng		167	

4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- *Thiết bị lưu chứa:*

- + Thùng rác dung tích 60 lít
- + Số lượng: 02 thùng.
- + Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.
- + Thùng màu xanh: Chứa chất thải hữu cơ.
- + Thùng màu vàng: Chứa các thành phần vô cơ.

- *Khu vực lưu chứa:* bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh. Sau đó được công nhân vận chuyển về điểm tập kết chất thải của trang trại.

- *Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Tần suất thu gom, chuyển giao: 1 ngày/lần

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại)

a) Thiết bị lưu chứa

Phân heo được ép tách nước và ủ rồi đóng bao loại 50 kg và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom tận dụng để chứa phân heo lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu.

Đối với heo chết sẽ được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hố hủy xác có nắp đậy kín.

b) Khu vực lưu chứa

Phân heo được tại nhà ép phân và kho chứa phân và xuất bán cho đơn vị có nhu cầu.

Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế được đưa về khu vực tập kết phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương; bao đựng thức ăn được tái sử dụng cho đựng phân heo tại dự án.

Heo chết không do dịch bệnh được thu gom đưa về hố phân hủy xác heo chết.

c) Tần suất thu gom: Hàng ngày.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa

Thiết bị lưu giữ phải có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Bao bì lưu giữ sẽ được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: tên và mã CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước 5 cm mỗi ngày.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại rộng khoảng 10m² trong kho chứa chất thải tập trung của dự án, có vách ngăn tách biệt với các loại chất thải khác.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng tường gạch, nền xi măng có mái che, có cửa khóa, có phân ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm khác, tránh khả năng gây phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH. Trước cửa có biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

Trong từng ô hoặc bộ phận riêng có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707 – 2009 về chất thải nguy hại – Dấu

hiệu cảnh báo phòng ngừa với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, vật liệu, mực của dấu hiệu và các dòng chữ không bị mờ hoặc phai màu.

c) Tần suất chuyển giao:

01 năm/lần, đơn vị có chức năng thu gom chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoặc vùng lân cận sẽ đến mang đi xử lý đúng quy định.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ

Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Loan đã phối hợp với Đơn vị phân tích mẫu để tiến hành lấy mẫu nước thải năm 2022, 2023 để phân tích, kết quả như sau:

- Ngày 10/11/2022:

Bảng 22: Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý năm 2022

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A ($K_q=0,6$, $K_f=1,3$)
1	pH	-	8,28	6 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	166	31,2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	237	39
4	COD	mg/l	354	78
5	Tổng N	mg/l	175	39
6	Tổng Coliform	mg/l	$2,8 \times 10^4$	3.000

Qua kết quả phân tích cho thấy, các thông số có trong nước thải sau xử lý đều không đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Ngày 25/12/2023:

Bảng 23: Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý năm 2023

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A ($K_q=0,6$, $K_f=1,3$)
1	pH	-	7,26	6 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	31	31,2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	38	39
4	COD	mg/l	87	78
5	Tổng N	mg/l	32,5	39
6	Tổng Coliform	mg/l	2.800	3.000

Qua kết quả phân tích cho thấy, các thông số có trong nước thải sau xử lý đa số đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT. Riêng thông số COD không đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải:

- + Vị trí: 01 điểm đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày đêm.
- + Tần suất: 03 tháng/lần
- + Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng Nito, tổng Coliform.

- + Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột A

- Quan trắc khí thải sau dây chuyền nuôi:

- + Vị trí: 01 điểm sau buồng thu gom xử lý khí thải
- + Tần suất: 06 tháng/lần
- + Thông số giám sát: NH₃, H₂S, Tổng bụi lơ lửng (TSP)
- + Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT

1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có

1.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kho lưu chứa chất thải nguy hại
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải
- Tần suất giám sát: Thường xuyên
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định về môi trường có liên quan khác.

2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Bảng 24: Kinh phí dự trù thực hiện giám sát môi trường định kỳ

STT	Thông số	Vị trí	Tần suất lần/năm	Kinh phí thực hiện (VNĐ)	Tổ chức, quản lý và vận hành
I	Thành phần môi trường khí thải				
1	H ₂ S, NH ₃ , Tổng bụi lơ lửng (TSP)	01	02	10.000.000	Chủ cơ sở
II	Thành phần môi trường nước thải				
1	pH, BOD ₅ , COD, TSS, tổng Nito, tổng Coliform.	01	04	16.000.000	Chủ cơ sở

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Năm 2022 và năm 2023, Cơ sở chăn nuôi Nguyễn Thị Loan không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Loan là chủ đầu tư của Cơ sở “Trại chăn nuôi Nguyễn Thị Loan” cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại,...) phát sinh do hoạt động của cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép của các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam như:

- Môi trường không khí xung quanh: Các chất ô nhiễm trong khí thải của dự án khi phát tán ra môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Độ ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT).

- Quản lý nội quy trang trại theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- Quản lý trang trại theo QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được quản lý chặt chẽ, thu gom và hợp đồng xử lý triệt để. Đối với các loại chất thải nguy hại đảm bảo thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng Quy chế quản lý chất thải nguy hại của Chính phủ.

- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án theo phương án kỹ thuật trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường này, như sau:

- Đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Thực hiện nghiêm túc những nội dung chủ đầu tư đã cam kết với Chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án.
- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường hàng năm.
- Trường hợp các sự cố môi trường, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình triển khai dự án, chủ dự án cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường.
- Cam kết ngừng ngay mọi hoạt động chăn nuôi khi không đảm bảo về công tác xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, thú y, nhân dân phản ánh. Chủ cơ sở chỉ chăn nuôi trở lại khi thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

- Cam kết thực hiện các yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.

- Cam kết số liệu, tài liệu liên quan đến dự án đảm bảo chính xác và chịu trách nhiệm pháp lý về các số liệu và tài liệu trong hồ sơ môi trường này.

Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Loan xin cam kết các điều khoản đã ghi trên đây và chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu để xảy ra vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Năng nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: Nguyễn Thị Loan

Năm sinh: 1969, CMND số: 291140236

Địa chỉ thường trú: Ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.

Ông: Nguyễn Văn Tiến

Năm sinh: 1967, CMND số: 334300506

Địa chỉ thường trú: Khóm 3, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2549215000750

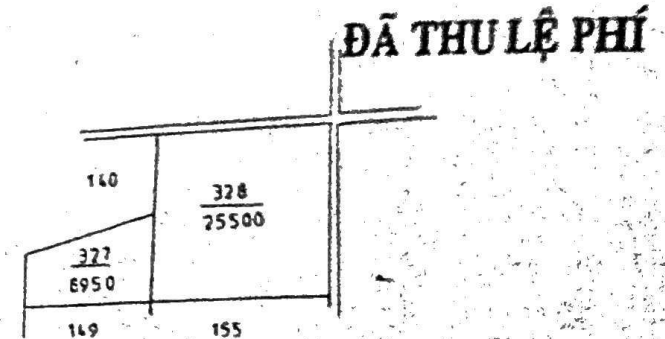
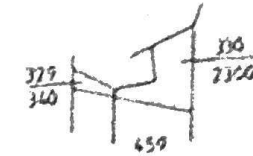
BY 413387

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

- Địa chỉ sử dụng đất: Xã Thanh Bắc, Huyện Tân Biên, Tây Ninh

Tên thửa đất	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
5	327	8950	Sử dụng riêng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	12/2050	Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
5	328	25500	Sử dụng riêng	Đất nông nghiệp khác (NKH) 10000m ² , đất trồng cây lâu năm (CLN) 15500m ²	12/2050	Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
5	329	340	Sử dụng riêng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	12/2050	Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
5	330	2300	Sử dụng riêng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	12/2050	Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất



- Nhà ở: -/-
- Công trình xây dựng khác: -/-
- Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- Cây lâu năm: -/-
- Ghi chú: Không.

Tây Ninh, ngày 06 tháng 10 năm 2015

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TÂY NINH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG

CHỖ CHỮ CHỮ THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG

Số Chứng thực: 167

Thị Trấn Tân Biên, Ngày 12 tháng 01 năm 2015

Trần Minh Sơn

CHỦ TỊCH

La Văn Hên

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Yêu cầu thay đổi

Số vào sổ cấp GCN: CS00756

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Võ Đức Hiếu

Năm sinh: 1974 CMND số: 290830200

Địa chỉ: Ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh

và Bà: Dương Ngọc Thư

Năm sinh: 1983 CMND số: 291210843

Địa chỉ: Ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh

BS 396887

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Tổng số thừa đất: 4 ; tổng diện tích: 37090.0 m²

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa chỉ Thửa đất	Diện tích (m ²)		Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng
			SD riêng	SD chung		
5	327	Xã Thạnh Bắc, Huyện Tân Biên, Tây Ninh	8950		Đất trồng cây lâu năm	12/2050
5	328	Xã Thạnh Bắc, Huyện Tân Biên, Tây Ninh	25500		Đất trồng cây lâu năm	12/2050
5	329	Xã Thạnh Bắc, Huyện Tân Biên, Tây Ninh	340		Đất trồng cây lâu năm	12/2050
5	330	Xã Thạnh Bắc, Huyện Tân Biên, Tây Ninh	2300		Đất trồng cây lâu năm	12/2050

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

Theo đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và gắn liền với đất được VPĐKQSDĐ Huyện Tân Biên thẩm tra ngày 13/11

Tân biên, ngày 13 tháng 11
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

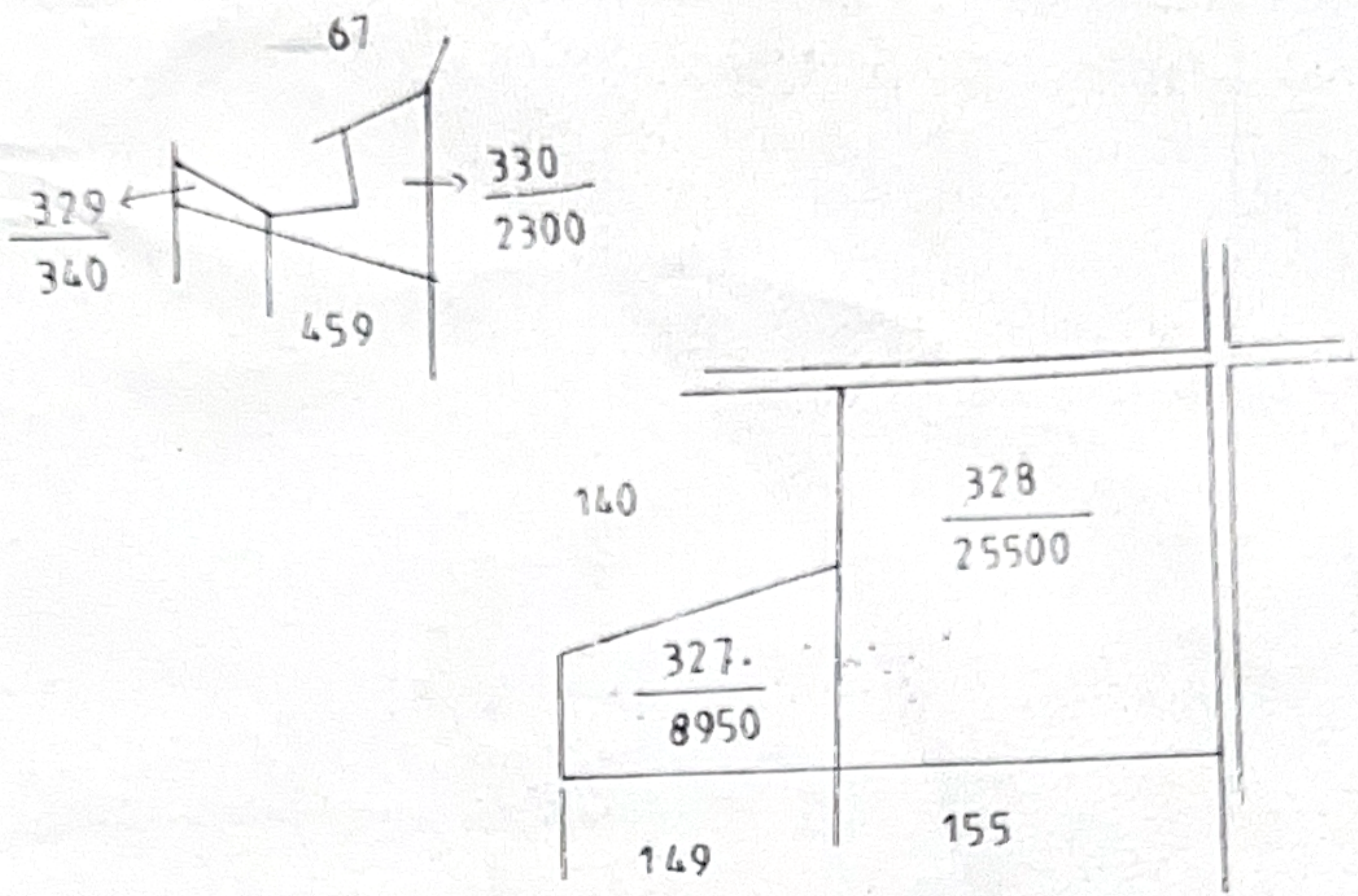


Lê Chiện Hồ

Số vào sổ cấp GCN: CH00630

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

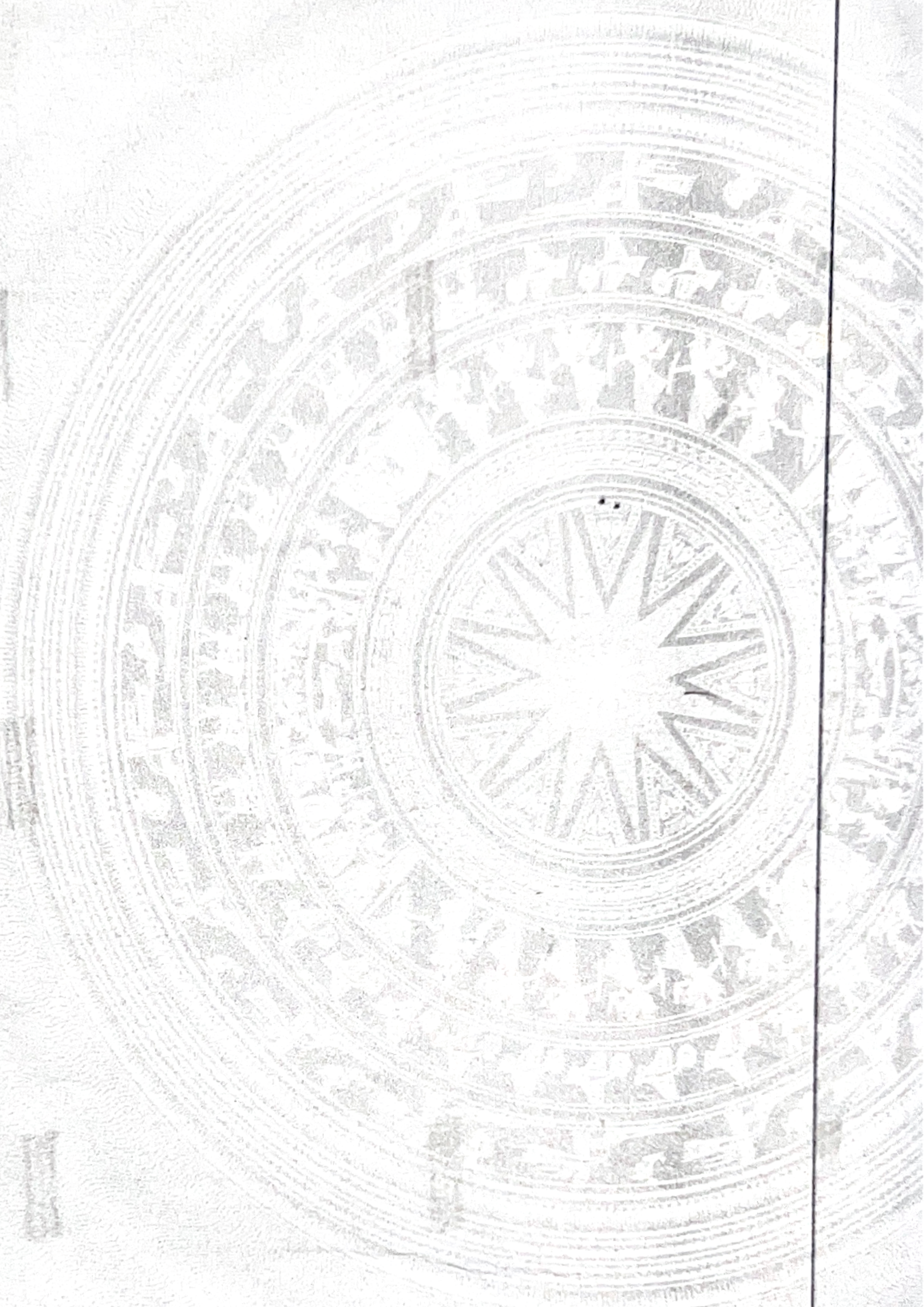
BẢN SAO



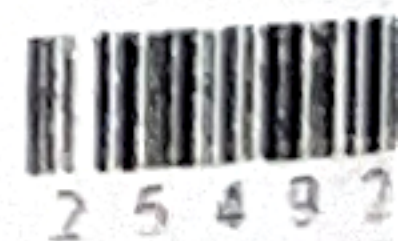
TỶ LỆ: 1 / 5000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 02/12/2014 Chuyển mục đích sử dụng đất từ CLN sang đất xây dựng Trại Chăn Nuôi với DT: 10000m², tờ bản đồ số 5, một phần thửa đất 328, theo kết quả thẩm tra của VPĐKQSDĐ huyện Tân Biên ngày 02/12/2014. CHỨNG THỰC BẢN ĐẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số CT... 375... QĐ... 04... UBND/CT-SY TT. Tân Biên, ngày 5... tháng 12... năm 2011. PHÓ CHỦ TỊCH <i>Nguyễn Ngọc Mẫn</i>	TRƯỞNG PHÒNG <i>Nguyễn Hoàng Anh</i>



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 5 4 9 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (sau đây gọi là bên A):

- 1). Họ và tên ông: Võ Đức Hiếu Sinh năm: 1974
- CMND số: 290 830 200 cấp ngày 03/5/2002 tại Công an Tây Ninh
- Thường trú tại: ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- 2). Họ và tên bà: Dương Ngọc Thu Sinh năm: 1983
- CMND số: 291 20 843 cấp ngày 10/9/2014 tại Công an Tây Ninh
- Thường trú tại: ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Bên thuê (sau đây gọi là bên B):

- 1). Họ và tên ông: Nguyễn Văn Tiến Sinh năm: 1967
- CMND số: 334 300 506 cấp ngày: 03/9/2002 tại Công an Trà Vinh
- Thường trú tại: khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- 2). Họ và tên bà: Nguyễn Thị Loan Sinh năm: 1969
- CMND số: 291 140 236 cấp ngày: 18/4/2012 tại Công an Tây Ninh
- Thường trú tại: ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất theo các thoả thuận sau đây:

ĐIỀU 1
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH000630, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 478 tách 328
- Tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Novel
Đuon

- Diện tích: 2000 m² (bằng chữ: hai nghìn mét vuông)
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 2000 m²
 - + Sử dụng chung: 0 m²
- Mục đích sử dụng: cây lâu năm
- Thời hạn sử dụng: 12/2050
- Nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng.

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 1 năm, kể từ ngày 27/11/2014

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: trang trại

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 100.000.000 đồng (bằng chữ: một trăm triệu đồng Việt Nam).
2. Phương thức thanh toán như sau: tiền mặt (trả tiền thuê theo từng năm: 10 triệu đồng/năm)
3. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm 27/11/2014;
 - Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
 - Nộp thuế sử dụng đất;
 - Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.
2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;
- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

ĐIỀU 6

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thoả thuận;
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7

VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

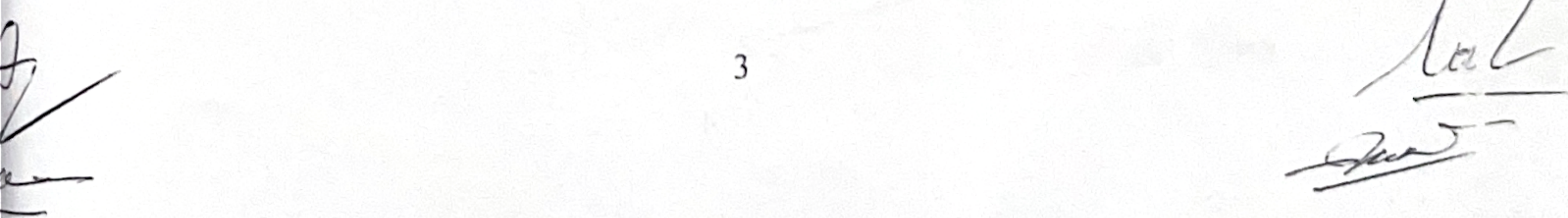
1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bênB..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong



trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để
cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9 CAM ĐOÀN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan

1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không ép buộc;

1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và giấy tờ về quyền sử dụng đất;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

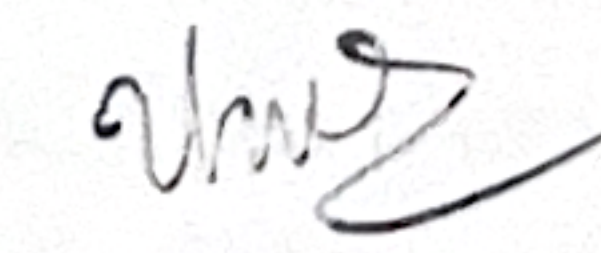
Bên A

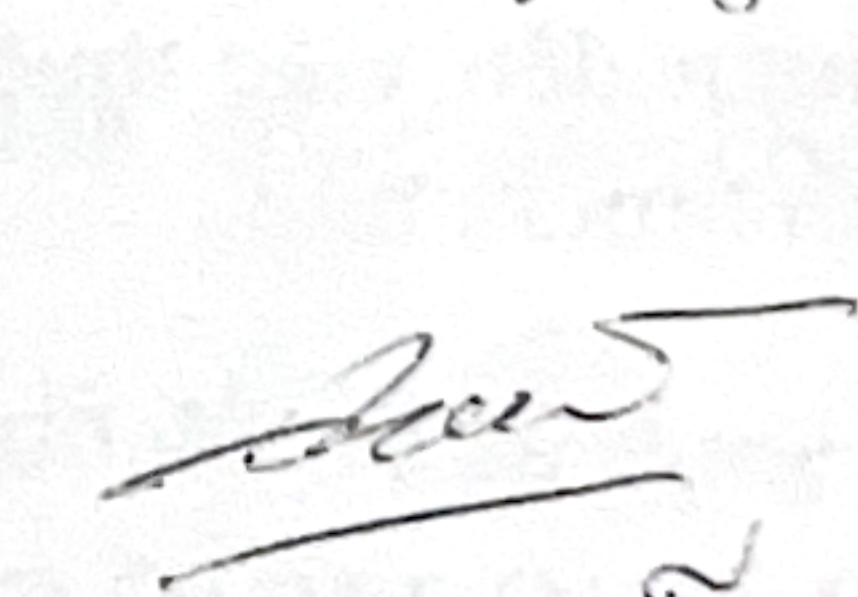
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)


Vũ Đức Hiền


Dương Ngọc Thu


Nguyễn Văn Tiến

LỜI CHỨNG CỦA UBND XÃ THANH BẮC

Ngày 27 tháng 11 năm 2014. (bằng chữ)
UBND xã Thanh Bắc
là Nguyễn Chí Công, Chủ tịch UBND xã Thanh Bắc, huyện Tân
Ninh, tỉnh Tây Ninh.

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được giao kết giữa bên A là Ông (bà): Nguyễn Đức Hiếu
Ông (bà): Đặng Ngọc Thu
Và bên B là Ông (bà): Nguyễn Văn Tiến
Ông (bà): Nguyễn Tài Loan
các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng;
- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
-
- Hợp đồng này được làm thành 04... bản chính (mỗi bản chính gồm 03... tờ, 5... trang), giao cho:
+ Bên A 02 bản chính;
+ Bên B 02 bản chính;
Lưu tại Tư pháp xã một bản chính;
Lưu tại địa chính xã một bản chính;
Số 032, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chí Công

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN**

Trang trại nuôi gia súc (heo) Nguyễn Văn Tiến tại xã Thạnh Bắc,
huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản của trang trại nuôi gia súc Nguyễn Văn Tiến kèm theo văn bản số 01/CV ngày 18 tháng 3 năm 2013 của ông Nguyễn Văn Tiến,

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN
XÁC NHẬN:**

Điều 1. Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của trang trại nuôi gia súc Nguyễn Văn Tiến tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Văn Tiến lập đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên.

Điều 2. Chủ trang trại có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

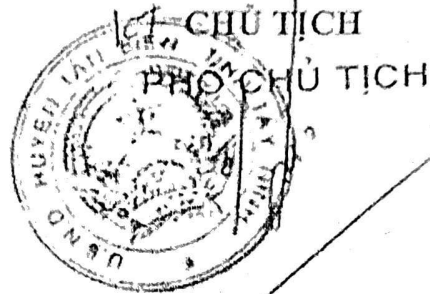
2.3. Đề án bảo vệ môi trường đơn giản và lấy giấy xác nhận này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

2.4. Chủ trang trại nuôi gia súc Nguyễn Văn Tiến phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Ông Nguyễn Văn Tiến;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Thanh Bắc;
- Lưu VT: VP.HĐND&UBND.



Lê Chiên Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN

Số 23 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Biên, ngày 11 tháng 2 năm 2015

THÔNG BÁO

V/v chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của
Dự án xây dựng trang trại nuôi heo Võ Đức Hiếu tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh
Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Kính gửi: Ông Võ Đức Hiếu, chủ trang trại chăn nuôi
heo tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân
Biên, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án
xây dựng trang trại chăn nuôi heo tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên,
tỉnh Tây Ninh. Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên xin thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo đã
được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện.
2. Ông Võ Đức Hiếu có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội
dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.
3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ
để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh
tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án
xây dựng trang trại chăn nuôi heo.
4. Ông Võ Đức Hiếu phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên khi
có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ
được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện
Tân Biên. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HDND&UBND.



UBND HUYỆN TÂN BIÊN
PHÒNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PTNT

Số: 05/TT-PNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Biên, ngày 19 tháng 01 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc xin chủ trương cho bà Nguyễn Thị Loan
mở trang trại chăn nuôi gia súc (heo)

Kính gửi: UBND huyện Tân Biên.

Thực hiện Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án “Quy hoạch phát triển chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gia súc, gia cầm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2012-2020”; xã Thạnh Bắc huyện Tân Biên được phê duyệt quy hoạch theo quy hoạch vùng trang trại chăn nuôi tập trung tỉnh Tây Ninh đến năm 2020.

Xét đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Loan ngày 02/12/2014 về việc xin mở trang trại chăn nuôi gia súc (heo) tại ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc.

Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, trạm Thú y, UBND xã Thạnh Bắc đã kiểm tra dự án trang trại chăn nuôi gia súc của bà Nguyễn Thị Loan (có biên bản đính kèm theo). Các ngành thống nhất như sau:

+ Điều kiện về sinh thú y: Nằm trong khu quy hoạch của địa phương, vị trí cách xa khu dân cư, công trình công cộng; mặt bằng cao ráo, thoáng mát, có đủ điều kiện để xây dựng trang trại;

+ Điều kiện về sinh môi trường: Về đất đai: Vị trí nằm trong quy hoạch đất xây dựng trang trại chăn nuôi gia súc; cách xa khu dân cư trong bán kính 2 km, không có nhà dân; về môi trường: Dự án có khoảng cách an toàn đối với dân cư.

+ Về quy hoạch: Dự án phù hợp với quy hoạch

Phòng Nông nghiệp và PTNT trình xin ý kiến của UBND huyện Tân Biên xem xét phê duyệt chủ trương cho bà Nguyễn Thị Loan được mở trang trại chăn nuôi gia súc (heo)

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /UBND-PNN

Tân Biên, ngày 19 tháng 01 năm 2015

V/v đồng ý cho bà Nguyễn Thị Loan
mở trang trại chăn nuôi gia súc (heo)

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trạm Thú y;
- UBND xã Thạnh Bắc.

Xét tờ trình số 05 /TTr-PNN ngày 19 tháng 01 năm 2015 của phòng Nông nghiệp và PTNT về việc xin chủ trương cho bà Nguyễn Thị Loan mở trang trại chăn nuôi gia súc (heo). UBND huyện Tân Biên có ý kiến như sau:

Đồng ý cho bà Nguyễn Thị Loan mở trang trại chăn nuôi gia súc (heo) tại ấp Bà rã xã Thạnh Bắc sau khi đủ điều kiện thẩm định của các ngành.

Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND huyện để chỉ đạo kịp thời. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Lê Chiên Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN

Số: 24 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Biên, ngày 16 tháng 7 năm 2015

THÔNG BÁO

V/v chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của
Dự án xây dựng trang trại nuôi heo Nguyễn Thị Loan tại ấp Bàu Rã, xã
Thanh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Kính gửi: Bà Nguyễn Thị Loan, chủ trang trại chăn
nuôi heo tại ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, huyện
Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án
xây dựng trang trại chăn nuôi heo tại ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên,
tỉnh Tây Ninh, Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên xin thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo đã
được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện.
2. Bà Nguyễn Thị Loan có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội
dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.
3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ
để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh
tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án
xây dựng trang trại chăn nuôi heo.
4. Bà Nguyễn Thị Loan phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên
khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và
chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân
huyện Tân Biên. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐND&UBND.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

V/v kiểm tra điều kiện mở trang trại chăn nuôi gia súc

Hôm nay vào lúc 8 giờ CC ngày 13 tháng 1 năm 2015, tại xã Ba Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên chúng tôi gồm có:

Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên chúng tôi gồm có:

1. Thành phần tham dự

1.1. Cấp huyện:

1. Bà Nguyễn Thị Như Anh - Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT

2. Ông (bà) Trần Hữu Lợi..... Chức vụ: Trưởng ban thú y.

3. Ông (bà) Phạm Văn Hưng..... Chức vụ: Chuyên viên PTNH

4. Ông (bà)..... Chức vụ:.....

1.2. Cấp xã:

1. Ông (bà) Nguyễn Thị Hằng..... Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

2. Ông (bà) Trương Thanh Đạt..... Chức vụ: CB địa chính xã

3. Ông (bà) Lê Thanh Na..... Chức vụ: CB Nông nghiệp xã

4. Ông (bà)..... Chức vụ:.....

1.3. Cơ sở: P.u an trang trại Nguyễn Thị Loan.....

Của ông (bà) Nguyễn Thị Loan.....

Địa chỉ: Ấp Ba Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên.

2. Nội dung kiểm tra:

- Điều kiện vệ sinh thú y

..... Năm trong khu quy hoạch của địa phương.....

..... Vị trí: Cách xa khu dân cư, công trình công

..... Cộng.....

..... Mặt bằng: Cao ráo thoáng mát, có đủ

điều kiện để xây dựng trang trại.....

.....

- Điều kiện vệ sinh môi trường

..... Về đất đai: Vị trí năm trong quy hoạch.....

đất xây dựng trang trại chăn nuôi gia súc;

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 68.2022/HDDV/HP.Co

(V/v Thực hiện tư vấn và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi)

Căn cứ Bộ luật dân sự 2015 Quốc hội ban hành số 91/2015 QH13;

Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/L-QH11 của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ bộ quy chuẩn Việt Nam về nước thải của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ tiêu chuẩn nước thải của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2022 chúng tôi gồm có:

BÊN A: HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN

Địa chỉ : ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

Đại diện : Nguyễn Thị Loan Chức vụ: Chủ hộ chăn nuôi

Điện thoại : 0345948159

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẢI PHONG

Đại diện : Ông. ĐỖ THANH PHONG Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ : 04, đường số 4, Huỳnh Văn Thanh, Khu phố Ninh An, Phường Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : 0908153952

Mã số thuế: 3901263320

Tài khoản : 121704070001792 – Ngân hàng HD Bank – Chi nhánh Tây Ninh.

Sau khi bàn bạc, chúng tôi đã thống nhất thành lập hợp đồng vận hành xử lý nước thải (từ giờ gọi tắt là “*hợp đồng*”) với những nội dung cơ bản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG BÊN B THỰC HIỆN

1. Nội dung thực hiện:

- Thực hiện tư vấn và lắp đặt thiết bị xử lý nước thải chăn nuôi;
- Hướng dẫn vận hành và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

2. Quy mô/công suất: 80 m³/ngày đêm.

3. Địa điểm: ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

4. Thời gian hoàn thành: 60 ngày làm việc kể từ khi bên A bàn giao mặt bằng (xây dựng hoàn chỉnh các bể xử lý).

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM BÊN B



- Đảm bảo chất lượng thi công, lắp đặt thiết bị, tiến độ và các yêu cầu kỹ thuật hệ thống;
- Trong quá trình thi công, bên B chịu trách nhiệm về quản lý an toàn vật tư về nhân công lao động của bên B trong suốt quá trình thi công;
- Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý trước khi hai bên ký biên bản bàn giao công trình;
- Bảo hành 03 tháng các hạng mục thiết bị mà bên B lắp đặt tính từ ngày bên B bàn giao thiết bị công trình, có mặt tại công trình trong vòng 24 h kể từ khi nhận được thông tin từ chủ đầu tư;
- Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi nhà thầu gây ra;
- Đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, vận hành hệ thống và chuyển giao công nghệ;
- Bên B vi phạm không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong hợp đồng thì bên B phải làm lại đủ số lượng và đúng chất lượng.
- Tại thời điểm nghiệm thu đảm bảo nguồn nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn hiện hành theo quy định.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Cung cấp cho bên B mặt bằng thi công xử lý;
- Cung cấp nguồn điện và nước sinh hoạt trong quá trình thi công lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống;
- Sau thời gian vận hành thử nghiệm 07 ngày, bên A mua hóa chất cho bên B vận hành lấy mẫu và sử dụng lâu dài;
- Thanh toán các khoản chi phí theo đúng nội dung Điều 4 của hợp đồng;
- Không tự ý tháo dỡ các thiết bị máy móc còn trong thời hạn bảo hành;
- Khi bên A thanh toán chậm các khoản kinh phí bên B có quyền tạm ngưng công trình.

ĐIỀU 4: CHI PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN HỢP ĐỒNG

1. Giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế VAT): 637.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng).

2. Phương thức thanh toán

Hai bên thỏa thuận thanh toán theo hình thức: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản được chia thành các đợt chi tiết như sau:

- Đợt 1: Ngay sau khi ký hợp đồng, hai bên thống nhất tiến hành công việc. Bên A thanh toán lần 1 cho bên B để chuẩn bị vật tư, thiết bị số tiền là:đồng (bằng chữ:), kèm biên lai nhận tiền số....., ngày.....
- Đợt 2: Ngay sau khi tập hợp vật tư chính và triển khai lắp đặt, bên A thanh toán lần 2 cho bên B số tiền là:.....đồng (bằng chữ:.....), kèm biên lai nhận tiền số....., ngày.....

- Đợt 3: Ngay sau khi lắp đặt hoàn thiện hệ thống, bên B tiến hành vận hành hệ thống, và phân tích mẫu chất lượng nước, bên A thanh toán lần 3 số tiền là:đồng (bằng chữ:), kèm biên lai nhận tiền số....., ngày.....
- Đợt 4: Sau 03 tháng hướng dẫn vận hành và bàn giao hệ thống cho bên A thanh toán số tiền còn lại là:đồng (bằng chữ:) kèm biên lai nhận tiền số....., ngày.....và biên bản bàn giao công trình.

ĐIỀU 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên ưu tiên áp dụng giải quyết thông qua trao đổi, thương lượng, hòa giải.

2. Nếu sau hòa giải, hai bên vẫn không thể thỏa thuận thì một bên hoặc cả hai bên có quyền đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hai bên thỏa thuận sẽ chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

- Khi một trong các bên vi phạm các điều khoản cam kết của hợp đồng;
- Khi hết thời hạn hợp đồng mà một trong hai bên không muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng;
- Những trường hợp bất khả kháng như chiến tranh, hành động khủng bố nổi loạn, cháy nổ, thiên tai, đình công, bãi công... ;
- Những trường hợp chấm dứt hợp đồng khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7: HỒ SƠ KỸ THUẬT CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B và bên B có trách nhiệm lưu giữ những hồ sơ sau:

- Hồ sơ thiết kế hệ thống xử lý nước thải;
- Sổ tay quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải;

2. Các tài liệu trên được coi là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

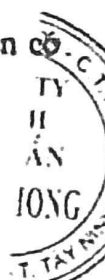
1. Hợp đồng này được hiểu và chịu sự điều chỉnh của Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hợp đồng có hiệu lực bắt đầu từ thời điểm các bên ký kết.

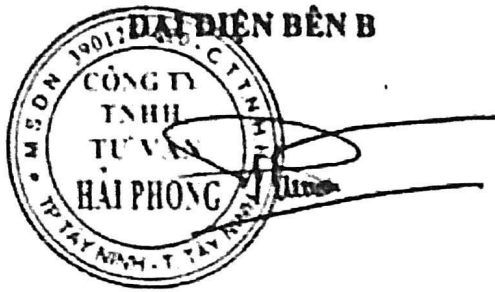
3. Các bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản và nghĩa vụ đã nêu trong hợp đồng trên cơ sở tôn trọng pháp luật Nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc thống nhất và tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và có chữ ký của hai bên. Các phụ lục là phần không tách rời của hợp đồng.

5. Hợp đồng này gồm 03 trang được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



Hai bên đã cùng nhau đọc lại hợp đồng, thống nhất với nội dung trên và đồng ý ký tên./.



Lê Thanh Phong

ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Văn Tiến

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 3814 /HĐ.MTĐT-NH/22.4.VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ký ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại do Tổng Cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2020 (cấp lần hai), mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX;

Căn cứ Hợp đồng liên kết số: 2089/HĐ.MTĐT-HKN/17.V ký ngày 02/02/2017 và Phụ lục Hợp Đồng Số 14/PL.MTĐT-HKN/20.V ký ngày 22/01/2020 giữa Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM và Công Ty TNHH MTV TM DV Môi Trường Huỳnh Kim Nhật;

Hôm nay, ngày 23 / 05 / 2022, chúng tôi gồm:

BÊN A: HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN – TRẠI CHĂN NUÔI HEO

Địa chỉ : Ấp Bàu Rã, X. Thạnh Bắc, H. Tân Biên, Tây Ninh

Điện thoại :

Đại diện : NGUYỄN THỊ LOAN

Chức vụ:

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TPHCM.

Điện thoại : 028 38.291.975 – 028 38.208.666 Fax: 028 38.202.769

Mã số thuế : 0300438813

Email: hdkd.mtdt@gmail.com

Số tài khoản : 310 1000000 5651 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TPHCM.

Đại diện : (Ông) NGUYỄN THANH SƠN

Chức vụ: Phó Giám Đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 544/GUQ-MTĐT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)

Sau khi thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản và điều kiện sau :

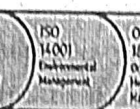
ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

- Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Bên A.

1.1 Thời gian, địa điểm thu gom và xử lý chất thải nguy hại:

- Thời gian: 01 lần/01 năm(bên A báo trước cho bên B 01 tuần, liên hệ: 0283.8970681 gặp bộ phận thu gom).

- Địa điểm thu gom CTNH: Ấp Bàu Rã, X. Thạnh Bắc, H. Tân Biên, Tây Ninh



CTNH-TW/HKN

- Đơn vị liên kết vận chuyển: CTY TNHH MTV TM DV MT HUỖNH KIM NHẬT
- Địa chỉ: 99A, Đường số 6, Khu Phố 4, P.Tam Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Bộ phận thu gom SĐT: 082.8970681 (Trưởng)
- Bộ phận chứng từ SĐT: 0909.346.381 (Ngọc) Mail: ngọc.huynhkimnhat@gmail.com
- Bộ phận hợp đồng SĐT: 0901.464.036 (Diệp) Mail: diep.huynhkimnhat@gmail.com
- Bộ phận kế toán SĐT: 0899.462.979 (Tho) Mail: tho.huynhkimnhat@gmail.com
- Phương tiện vận chuyển: biển kiểm soát (xe của đơn vị vận chuyển đã đăng ký trong kế hoạch)

STT	Loại xe	Biển kiểm soát	Tình trạng
01	Xe tải Hoàng Trà	54Z – 9513	Hoạt động bình thường
02	Xe tải VinaXuki	51C – 130.93	Hoạt động bình thường
03	Xe tải Hyundai	51C – 478.68	Hoạt động bình thường

- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý CTNH tại Đồng Thanh hoặc nhà máy Bình Hưng Hòa.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Danh sách các loại CTNH cần xử lý:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Đơn vị tính
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16.01.06	Kg
2	Bao bì nhiễm TPNH	x			18.01.01	Kg
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18.02.01	Kg
4	Dầu nhớt thải		x		17.02.03	Kg
5	Chất thải có các TPNH từ quá trình vệ sinh chuồng trại	x			14.02.02	Kg

2.2 Giá trị hợp đồng: Nếu khối lượng chất thải bàn giao trong 01 năm $\leq 100\text{Kg}$ (Trong đó: bóng đèn $\leq 10\text{ Kg}$, và các chất khác $\leq 90\text{ Kg}$) thì chi phí vận chuyển, xử lý với giá khoán là 5.000.000VNĐ (Năm triệu đồng) (đơn giá trên chưa bao gồm VAT)
Nếu khối lượng bóng đèn bàn giao $> 10\text{ Kg}$ hoặc các chất khác $> 90\text{ Kg}$ thì chi phí xử lý chất thải phát sinh cụ thể là:

Chi phí phát sinh = Khối lượng CTNH phát sinh x Đơn giá xử lý (đơn giá trên chưa bao gồm VAT)

STT	LOẠI CHẤT THẢI	Mã CTNH	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/Kg)	PHƯƠNG THỨC BẢO QUẢN
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16.01.06	35.000	Bao PE
2	Bao bì nhiễm TPNH	18.01.01	15.000	Bao PE
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	18.02.01	15.000	Bao PE
4	Dầu nhớt thải	17.02.03	15.000	Can nhựa
5	Chất thải có các TPNH từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14.02.02	15.000	Bao PE

Chi phí vận chuyển phát sinh là: 2.000.000 đồng/01 chuyến. (chưa bao gồm VAT)

Lưu ý: Tại thời điểm xuất hóa đơn, thuế giá trị gia tăng tính theo quy định của Chính phủ

2.3 Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Bên B sẽ xuất hóa đơn cho Bên A sau khi ký hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng số tiền trên hóa đơn trong vòng 03 ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số: 310 1000000 5651 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TPHCM.

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng

Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng thì Bên B sẽ ngưng thu gom CTNH cho Bên A.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM 2 BÊN

3.1 Bên A phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, chứng từ quản lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.

3.2 Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.

3.3 Hai bên cùng ký vào chứng từ CTNH, Biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.

Bên A:

1. Nơi chứa CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy CTNH, mỗi loại CTNH phải được bỏ sẵn vào phương tiện chứa CTNH riêng bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH. Có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có). Không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng.

2. Xác nhận số lượng, khối lượng chuyển vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và Biên bản giao nhận của bên B. Thanh toán chi phí cho việc giải quyết CTNH cho bên B sau khi nhận được hóa đơn tài chính của bên B.

3. Thông báo cho bên B trước trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí phát sinh bên A chịu.

4. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng.

5. Bên A phải giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo Biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại CNT.

Bên B:

1. Bảo đảm giải quyết toàn bộ lượng CTNH đúng như hợp đồng đã ký kết giữa 2 bên.

2. Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được chứa trong thùng, vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa chất thải nguy hại, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.

3. Bên B đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bổ trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).

5. Bên B từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.

ĐIỀU 4: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH



CTNH-T4/HKN

4.1 Đối với bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyển để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 3 ngày về số Điện thoại: 0283.8970681).

4.2 Đối với bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

5.1 Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

5.2 Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 6: NGÔN NGỮ SỬ DỤNG:

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1 Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và 2 bên cùng có lợi. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước một tháng.

7.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ kết thúc ngày 23 / 05 / 2023. Khi hợp đồng hết hạn nếu hai bên không còn nợ nhau hợp đồng xem như tự thanh lý.

7.3 Sau khi ký hợp đồng trong vòng 12 tháng nếu bên A không giao CTNH cho bên B thì hợp đồng này sẽ tự thanh lý (không còn giá trị pháp lý và số tiền thanh toán sẽ thuộc về bên B).

7.4 Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.

7.5 Hợp đồng này được lập thành 06(sáu) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau bên A giữ 02(hai) bản và bên B giữ 04(bốn) bản/

ĐẠI DIỆN BÊN A

NGUYỄN THỊ LOAN

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC
MỘT THÀNH VIÊN
MỐI THƯƠNG ĐÓ
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT
HUỖNH KIM NHẬT

Số: 612 /CTNH-HKN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2022

THÔNG BÁO

Vv: Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Kính gửi: **HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN**

Địa chỉ : Ấp Bàu Rã, X. Thạnh Bắc, H. Tân Biên, Tây Ninh

Trước tiên CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT HUỖNH KIM NHẬT cảm ơn sâu sắc đến Quý Công ty đã tin tưởng sử dụng dịch vụ của Công ty chúng Tôi.

CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT HUỖNH KIM NHẬT đã chính thức nhận hợp đồng số 3814/HĐ.MTĐT-NH/22.4.VX của **HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN** về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại vào ngày 23/05/2022. Hợp đồng đang trong quá trình ký kết.

CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT HUỖNH KIM NHẬT gửi đến Quý Công ty thông báo này mong Quý Công ty thông cảm. Công Ty chúng tôi sẽ hoàn tất thủ tục gửi trả 02 bản hợp đồng và tiến hành vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại cho Quý Công Ty trong thời gian sớm nhất.

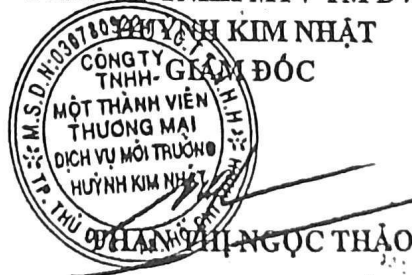
Kính mong Quý Công ty hỗ trợ và hợp tác.

Chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT HUỖNH KIM NHẬT

CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT





CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 22.11.5467/1-1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	18/11/2022 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer: **HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **Ao sinh học**
 Địa chỉ/ Address: **Ấp Bàu Rã, xã Thanh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh**
 Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample: **NT.111006**
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: **10/11/2022**
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing: **11/11/2022 – 17/11/2022**
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions: **Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường**
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method: **TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011**
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results:

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 62-MT: 2016/BTNMT CỘT B
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	8,28	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	166	100
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	354	300
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	237	150
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	175	150
6	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*) (Xc)	2,8x10 ⁴	5.000

Chú/ Note:

* Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

* Phương pháp đã được Việt công nhận (VIAT-1.0396).

*H: Không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

Tất cả kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Dương Huỳnh Environment Co., LTD.

M1-QT7.8

BVSĐ.02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHÍNH

CHI NHÁNH NINH THUẬN

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Ấp Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

825 262

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

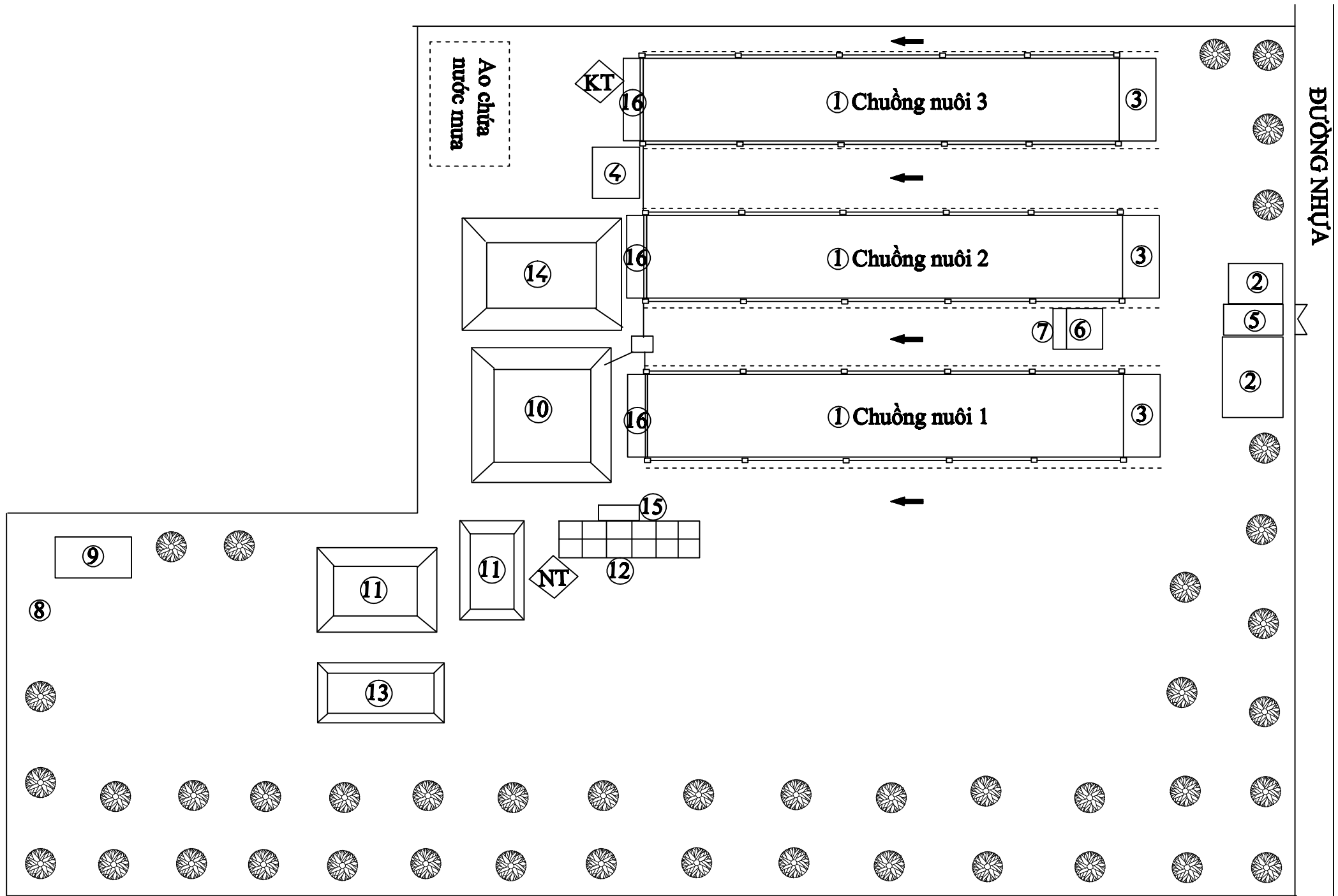
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

huynh.vimcerts241@gmail.com

duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)
1	Chuồng heo thịt	03	3.780
2	Phòng làm việc + nhà công nhân	01	40
3	Kho chứa thức ăn + dụng cụ	03	270
4	Nhà ép phân+chứa phân	01	20
5	Nhà sát trùng	01	36
6	Nhà máy phát điện dự phòng	01	25
7	Kho chứa chất thải nguy hại	01	10
8	Khu vực chôn heo chết do dịch bệnh	01	200
9	Hồ hủy xác heo chết	02	24
10	Bể Biogas	01	750
11	Bể lắng 1, 2	02	560
12	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01	105,44
13	Hồ sinh học	01	520
14	Hồ sự cố	01	600
15	Nhà vận hành hệ thống nước thải	01	19,2
16	Buồng xử lý khí thải sau dây chuồng nuôi	03	168

KÝ HIỆU:

Mương thu gom nước thải

Mương thu gom nước mưa

Hướng thoát nước mưa

KT:

Điểm lấy mẫu quan trắc khí thải

NT:

Điểm lấy mẫu quan trắc nước thải

Hố ga

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC CỦA CƠ SỞ CHĂN NUÔI HEO

Chủ đầu tư: HỘ CHĂN NUÔI NGUYỄN THỊ LOAN ĐC: Ấp Dân Mỹ, xã Thành Bắc, huyện Tân Bình, tỉnh Tây Ninh	CÔNG TRÌNH: CƠ SỞ CHĂN NUÔI HEO CHỦ ĐẦU TƯ: NGUYỄN THỊ LOAN Địa điểm XD: Ấp Dân Mỹ, xã Thành Bắc, huyện Tân Bình, tỉnh Tây Ninh
CHỦ CƠ SỞ	HẠNG MỤC:
	TRẠI CHĂN NUÔI HEO MÔ HÌNH CHUỒNG KÍN
	MẶT BẰNG TỔNG THỂ
NGUYỄN THỊ LOAN	HỢP ĐỒNG SỐ:
	NGÀY PHÁT HÀNH:
	SỐ HIỆU BẢN VẼ:

